

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG	4
DANH MỤC CÁC HÌNH	5
Chương I.....	11
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	11
1. Tên chủ cơ sở:	11
2. Tên cơ sở:	11
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	15
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	15
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	15
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	19
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	19
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	24
5.1. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở.....	24
5.2. Quy mô hoạt động cụ thể của các hạng mục công trình bao gồm:.....	25
5.3 Tổ chức quản lý trang trại.....	31
5.4 Tổng mức đầu tư.....	31
Chương II.....	32
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	32
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	32
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	33
Chương III	36
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	36
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	36
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	36
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	37
1.3. Xử lý nước thải:	38
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	43
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	48
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	52
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):	55

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:	56
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có);	66
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có):	67
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):	67
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	67
Chương IV	69
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	69
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	69
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	70
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):	74
4. Nội dung đề nghị về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, và chất thải nguy hại	76
Chương V	79
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	79
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2024	79
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải năm 2024	80
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	80
Chương VI	81
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	81
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	81
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	81
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	81
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	82
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:	82
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	82
Chương VII	83
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	83
Chương VIII	84
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	84
PHỤ LỤC BÁO CÁO	86

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu Oxy sinh hóa
BXD	:	Bộ xây dựng
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CHXHCN	:	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
COD	:	Nhu cầu Oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTCN	:	Chất thải công nghiệp
CTR	:	Chất thải rắn
CTRS	:	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
HTXLNTTT	:	Hệ thống xử lý nước thải tập trung
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	:	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
UBND	:	Ủy ban nhân dân
UBMTTQ	:	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
VSATTP	:	Vệ sinh an toàn thực phẩm
TMDV	:	Thương mại dịch vụ
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TVMT	:	Tư vấn môi trường
STN&MT	:	Sở Tài nguyên và Môi trường
SNN&PTNN	:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Tọa độ giới hạn khu đất của cơ sở	11
Bảng 1.2: Khối lượng thức ăn cung cấp cho gà trong các giai đoạn tại trang trại	19
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vaccin tại trang trại	20
Bảng 1.4: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y cho trang trại	21
Bảng 1.5: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin/kháng sinh cho gà	21
Bảng 1.6: Tổng nhu cầu sử dụng nước của trang trại	23
Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị	25
Bảng 1.8 Các hạng mục công trình của trang trại	25
Bảng 3.1. Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi	42
Bảng 3.2: Danh mục hóa chất sử dụng	42
Bảng 3.3. Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của trang trại	53
Bảng 3.4: Các nội dung thay đổi so với ĐTM	67
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải chăn nuôi	69
Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải	72
Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với bụi và khí thải tại các nguồn thải	72
Bảng 4.4. Giá trị giới hạn đối với độ ồn	75
Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với độ rung	75
Bảng 4.6. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	76
Bảng 4.7. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	76
Bảng 4.8. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	76
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt	79
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải chăn nuôi	79
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc chất lượng không khí	80
Bảng 6.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	81
Bảng 6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của cơ sở	82

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Vị trí của trang trại chăn nuôi gà.....	12
Hình 1.2: Sơ đồ quy trình chăn nuôi gà.....	16
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	37
Hình 3.2 Ao thu nước mưa	37
Hình 3.3: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải	38
Hình 3.4: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	39
Hình 3.5 Sơ đồ cấu tạo bể tách mỡ.....	39
Hình 3.7: Sơ đồ thu gom nước thải và xử lý nước thải	41
Hình 3.8: Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi	43
Hình 3.9: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải và mùi hôi tại trang trại.....	45
Hình 3.10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt.....	49
Hình 3.11: Nhà chứa rác sinh hoạt	50
Hình 3.12: Quy trình thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại.....	54
Hình 3.13: Khu vực chứa chất thải nguy hại	54

MỞ ĐẦU

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” của Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Nhì Gia đặt tại Ấp 04, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 2348/QĐ-UBND ngày 15/10/2020.

Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín sau đó được chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1878/QĐ-UBND và Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư số 1879/QĐ-UBND ngày 08/09/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 và Công văn số 6346/STNMT-PBVMT ngày 23/09/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thay đổi tên chủ dự án trong báo cáo ĐTM với quy mô như sau:

- Công suất: 255.000 con/lứa
- Diện tích đất sử dụng: 90.000 m²
- Tổng vốn đầu tư: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)

Nay Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh lập báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, công suất 255.000 con/lứa tại thửa đất số 17, 18, 45 tờ bản đồ số 101, Ấp 04, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp GPMT:

Căn cứ mục II số thứ tự 1.2.1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/07/2022 thì cơ sở thuộc loại vật nuôi gà hướng thịt, hệ số đơn vị vật nuôi là 0,005. Cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” của Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh có quy mô 255.000 con/lứa tương đương 1.275 đơn vị vật nuôi.

Căn cứ theo số thứ tự 16, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín”, quy mô 255.000 con/lứa tương đương 1.275 đơn vị vật nuôi thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn (cột 3).

Căn cứ mục số 3, mục I, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, cơ sở được phân loại thuộc nhóm I.

Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”.

Căn cứ Điểm C, Khoản 3, Điều 41 Luật về bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 thì thẩm quyền cấp giấy phép môi trường là Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trên cơ sở các quy định trên, Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín”, quy mô 255.000 con/lứa tại thửa đất số 17, 18, 45 tờ bản đồ số 101, Ấp 04, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo mẫu Báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, cấp phép theo quy định.

II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ Luật

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023.

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/01/2024.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014.

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/6/2015.

- Luật Thú y số 97/2015/QH13 ngày 19/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015.

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018.

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

2. Căn cứ Nghị định

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3. Căn cứ Thông tư

- Thông tư số 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.
- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.
- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.
- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- QCVN 01-41:2011/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.
- QCVN 07 – 2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước.
- QCVN 07 – 5:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện.
- QCVN 62-MT/2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.
- QCVN 14:2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số: 3901327398, đăng ký lần đầu ngày 23/05/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp;
- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín số 2348/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1878/QĐ-UBND ngày 08/09/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư số 1879/QĐ-UBND ngày 08/09/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 975/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

- Công văn thay đổi tên chủ dự án trong báo cáo ĐTM dự án trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín số 6346/STNMT-PBVMT ngày 23/09/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

- Thông báo số 631/SNN-TTĐ ngày 23/02/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trại trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh;

- Giấy phép xây dựng số 88/GPXD ngày 11/06/2021 và Phụ lục điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 18/03/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu cấp;

- Thông báo số 38/TB-SNN ngày 02/04/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng Trại trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh;

- Quyết định về việc cấp bổ sung tài sản khác gắn liền với đất số 1870/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 12/07/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Các hồ sơ có liên quan khác.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NGUYỄN THÁI ANH TÂY NINH

- Địa chỉ văn phòng: Ấp 04, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Nguyễn Thái Anh

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0918666866

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số: 3901327398, đăng ký lần đầu ngày 23/05/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

2. Tên cơ sở:

- Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, công suất 255.000 con/lứa

- Trang trại chăn nuôi gà của Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh xây dựng trên thửa đất số 17, 18, 45 tờ bản đồ số 101, Ấp 04, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được Sở Tài Nguyên Và Môi Trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BY 505785, cấp ngày 01/09/2016 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 101; CP 336763, cấp ngày 07/11/2018 tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 101; DC 694814, cấp ngày 14/01/2022 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 101.

Khu vực thực hiện cơ sở được giới hạn bởi tọa độ VN 2000 như sau:

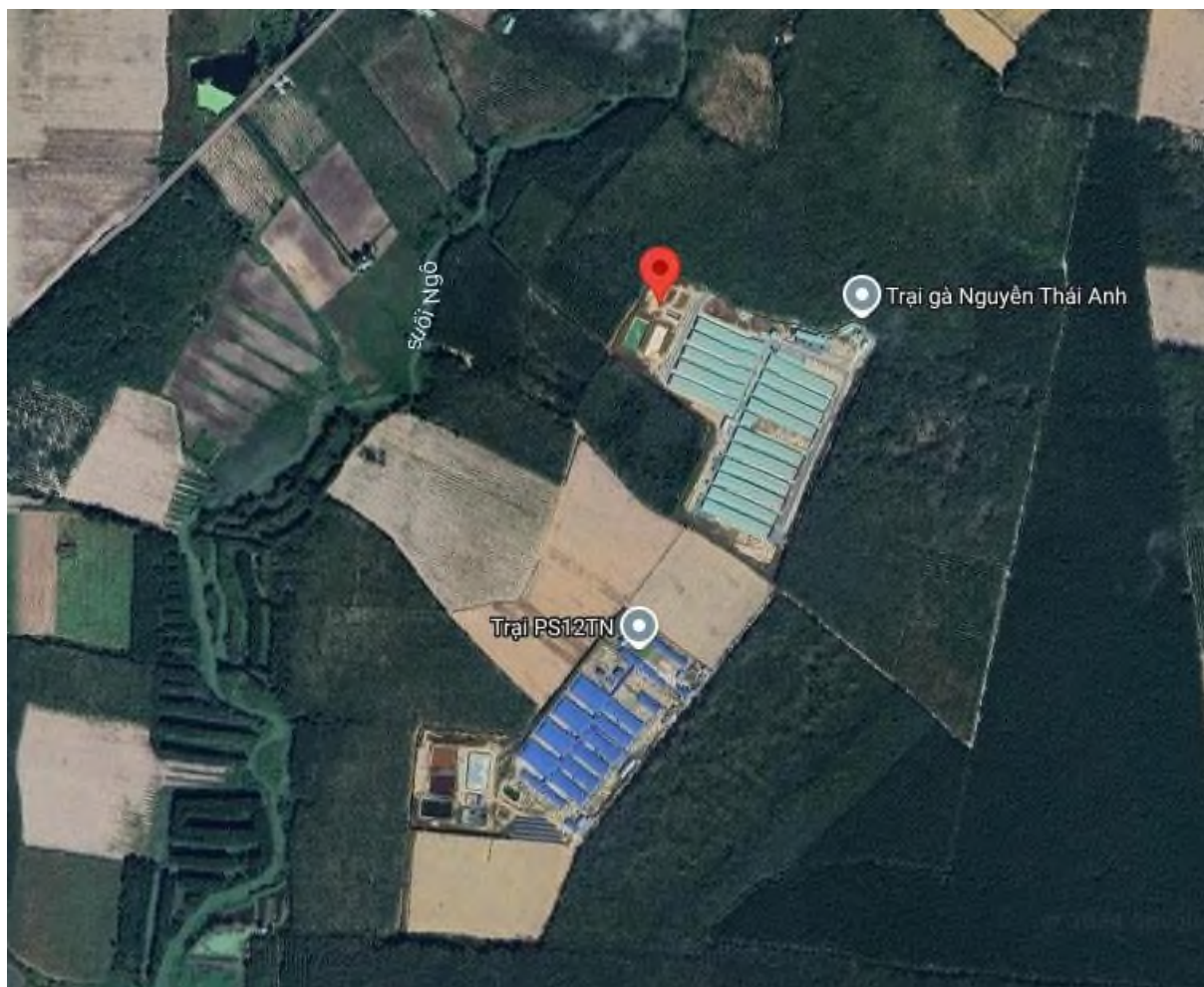
Bảng 1.1: Tọa độ giới hạn khu đất của cơ sở

Số hiệu góc thửa	Tọa độ hệ VN 2000 Tây Ninh, múi 3 độ	
	X (m)	Y (m)
1	1277603.51	590026.64
2	1277602.92	590038.88
3	1277595.45	590065.87
4	1277583.66	590089.46
5	1277562.93	590131.64
6	1277547.93	590164.15
7	1277535.58	590189.69
8	1277531.19	590204.18

9	1277531.47	590215.29
10	1277531.88	590230.57
11	1277527.51	590243.08
12	1277520.45	590253.95
13	1277516.62	590261.15
14	1277513.56	590272.59
15	1277515.56	590280.67

Vị trí tiếp giáp của khu đất trang trại như sau:

- + Phía Bắc giáp: đường đất đỏ 5m
- + Phía Nam giáp: thửa đất của anh Duy
- + Phía Đông giáp: thửa đất của anh Trường
- + Phía Tây giáp: đường đất đỏ 5m



Hình 1.1: Vị trí của trang trại chăn nuôi gà

➤ **Mối tương quan của cơ sở đối với các đối tượng xung quanh:**

- + Hệ thống đường giao thông: vị trí trang trại chăn nuôi gà nằm gần đường đất đỏ nên thuận tiện cho việc đi lại vận chuyển nguyên liệu thức ăn và bán gà.

- + Cơ sở cách trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH Đầu tư Win Farm Tây Ninh khoảng 250m về phía Nam;
- + Cơ sở cách suối Ngô khoảng 280m về phía Tây;
- + Cách nhà dân gần nhất khoảng 790m về phía Tây;
- + Cơ sở cách trại chăn nuôi heo công nghệ cao của Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu khoảng 1,4km
- + Cơ sở cách trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH chăn nuôi Thảo My khoảng 2,7km;
- + Cơ sở cách trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh khoảng 3,7km;
- + Cơ sở cách khu dân cư tập trung đông dọc đường Bàu Năng Dương Minh Châu khoảng 5km.

➤ **Mối tương quan của cơ sở đối với các đối tượng kinh tế xã hội**

- Trong vòng bán kính 500m không có dân cư sinh sống, khoảng cách đến nhà dân gần nhất khoảng 790m, xung quanh khu đất trang trại hiện nay chủ yếu là đất trồng cao su; cách các hộ dân tập trung đông khoảng 1,75 km về phía Bắc. Các hộ dân phần lớn sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp, trồng mì, chăn nuôi gia súc, gia cầm, một số ít hiện đang sinh sống loại hình dịch vụ nhỏ lẻ như: quán ăn, quán nước, cửa hàng buôn bán nhỏ.

- Trong vòng bán kính 500m không có trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước cho cộng đồng dân cư. Xung quanh cơ sở hiện nay có nhiều trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao hoạt động như trại heo của Công ty TNHH Đầu tư Win Farm Tây Ninh, trại heo của Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu, trại heo của Công ty TNHH chăn nuôi Thảo My, trại heo của Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh,....

- Giao thông: khu vực trang trại có nhiều tuyến đường lớn như ĐT 792, ĐT 795 nối các huyện trong khu vực tỉnh Tây Ninh nên rất thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên vật liệu và xuất bán gà.

- Với các khoảng cách như trên cho thấy vị trí trang trại đảm bảo khoảng cách an toàn về chăn nuôi trang trại theo Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi (*Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét. Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét*).

- Như vậy việc đầu tư trang trại chăn nuôi gà tại ấp 04, xã Suối Ngô là rất thuận lợi không chỉ về mặt kinh tế mà cả về mặt quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có):

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín số 2348/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

+ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1878/QĐ-UBND ngày 08/09/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

+ Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư số 1879/QĐ-UBND ngày 08/09/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

+ Thông báo số 631/SNN-TTĐ ngày 23/02/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trại trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh;

+ Giấy phép xây dựng số 88/GPXD ngày 11/06/2021 và Phụ lục điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 18/03/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu cấp;

+ Thông báo số 38/TB-SNN ngày 02/04/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng Trại trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh;

+ Quyết định về việc cấp bổ sung tài sản khác gắn liền với đất số 1870/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 12/07/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

+ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 975/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

+ Công văn thay đổi tên chủ dự án trong báo cáo ĐTM dự án trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín số 6346/STNMT-PBVMТ ngày 23/09/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tổng mức đầu tư là 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng, căn cứ Khoản 3, Điều 9 (Dự án sản xuất nông nghiệp có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng) thì cơ sở thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019.

Trên cơ sở đó, Công ty tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở “Trại trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín theo mẫu báo cáo đề xuất tại **Phụ lục X** “Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ

sở khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II” ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư với quy mô 300.000 con/đợt, 06 đợt/năm. Tuy nhiên theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 975/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 thì cơ sở thực hiện với quy mô 255.000 con/lứa (5 lứa/năm) với 15 dãy trại để phù hợp với mật độ chăn nuôi theo quy định.

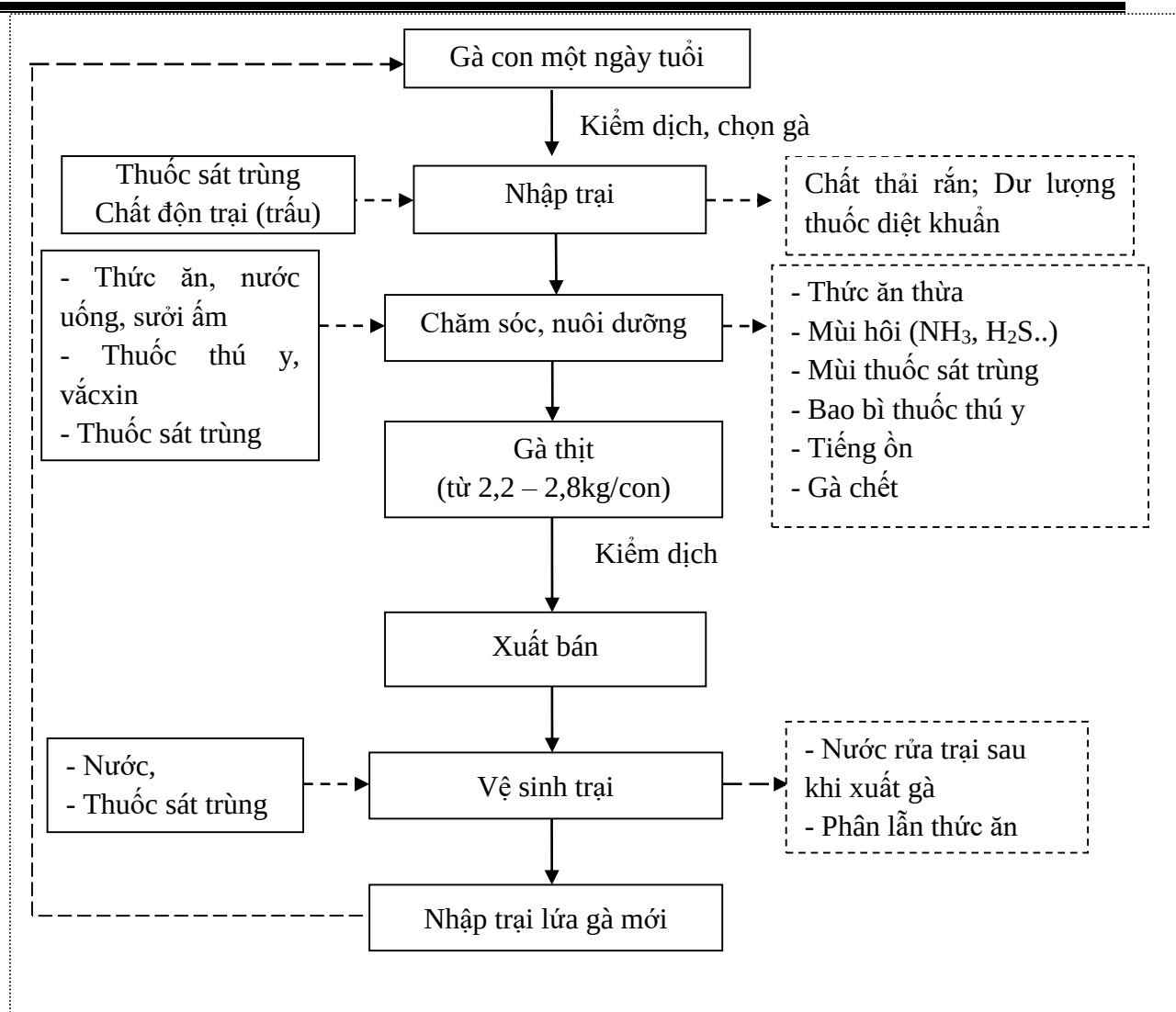
+ Thời gian giãn cách giữa 02 đợt nuôi (từ lứa nuôi trước đến lứa nuôi sau) là 60 ngày bao gồm:

- Thời gian nuôi, chăm sóc (từ lứa nuôi trước đến lứa nuôi sau) khoảng: 45 ngày.
- Vệ sinh trại và khử trùng các loại mầm bệnh để chuẩn bị cho đợt nuôi tiếp theo khoảng: 10 - 15 ngày.

Loại hình hoạt động: chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Công nghệ sản xuất, vận hành của cơ sở bao gồm các hoạt động chính trong quá trình chăn nuôi gà được trình bày cụ thể như sau:



Hình 1.2: Sơ đồ quy trình chăn nuôi gà

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của trại là gà giống một 1 ngày tuổi. Quy trình công nghệ chăn nuôi được trình bày như sau:

Rải trấu:

Rải trấu lên toàn bộ nền trại dày 10cm và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào. Cứ sau một thời gian (sau 7-10 ngày) quan sát trên bề mặt trại khi nào thấy phân rải kín (nền trại dơ), ta dùng cào cán ngắn để cào sơ qua lớp mặt đệm lót (lưu ý: Khi cào nên dồn gọn gà về từng phía một để tránh gây xáo trộn đàn gà). Sau khi cào lớp mặt xong thì phun đều chế phẩm sinh học để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân hủy nhanh hơn.

Gà giống:

Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên, do Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình

35 – 40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn.

Nhập trại:

Gà con được chuyển từ máy ấp vào hộp giấy cứng có kích thước mỗi hộp là 40×60×18cm. Trong mỗi hộp chia làm 4 ngăn nhỏ, mỗi ngăn chứa 25 gà.

Trước khi nhập gà về, trại nuôi và các thiết bị sẽ được khử trùng kỹ trước khi nhập lứa mới vào nuôi. Gà sẽ được kiểm tra kỹ tình trạng sức khỏe đàn gà để khẳng định gà chuyển về đang khỏe mạnh.

Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Đồng thời trong mỗi dãy trại nuôi được trang bị các vách ngăn di động, các vách ngăn được điều chỉnh phù hợp với không gian cần thiết cho đàn gà theo từng giai đoạn. Sau đó, kéo rèm che kín trại, bật đèn sưởi ấm trong quây úm khoảng 2 giờ nếu thời tiết ngoài trời lạnh. Khi thả gà vào quây phải kiểm tra lại số lượng con sống và con chết. Loại bỏ những con chết và gà không đạt tiêu chuẩn ra khỏi trại.

Cho gà nghỉ ngơi 10 – 20 phút rồi cho gà uống nước có pha 50g glucose với 1g vitamin C/3 lít nước để chống stress cho gà. Nước uống phải đảm bảo sạch và có độ ấm của nước vào từ 16 – 20°C. Nước uống cho gà 3 – 4 ngày đầu sẽ có pha thêm kháng sinh Tetracyclin tỷ lệ 0.5g/l hoặc Colistin tỷ lệ 0.1g/l và Vitamin C tỷ lệ 100 – 150mg/l).

Trong giai đoạn gà từ 1 ngày đến 14 ngày tuổi do hệ tiêu hóa và hô hấp chưa hoàn thiện, sức đề kháng kém, gà con dễ bị nhiễm bệnh. Để đàn gà sinh trưởng phát triển tốt có tỷ lệ sống cao cần thực hiện úm gà con. Kỹ thuật úm gà con như sau:

Dùng chụp úm gà bằng điện để sưởi ấm cho gà, quây gà gần dưới chụp sưởi để giữ nhiệt và đảm bảo nhiệt độ: (Tuần đầu: 32 – 34°C; Tuần 2: 29 – 30°C; Tuần 3: 26 – 27°C; Tuần 4: 22 – 25°C). Đồng thời, quan sát phản ứng của gà đối với nhiệt độ điều chỉnh cho phù hợp. Nhiệt độ vừa phải: gà phân bố đều, đi lại, ăn uống bình thường. Nhiệt độ thấp: gà tập trung lại gần nguồn nhiệt, đứng co ro, run rẩy. Nhiệt độ cao: gà tản ra xa nguồn nhiệt, nằm há mỏ, thở mạnh, uống nhiều nước.

Gà nhập về được thả trên nền bê tông có lớp trấu dày khoảng 10 cm. Sau 5 - 7 ngày với gà nuôi úm, 2-3 ngày với gà nuôi thịt, tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1 - 3 cm. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền trại. Gà giống sẽ được nhập về theo từng đợt cho mỗi trại, khoảng cách giữa các đợt nhập không quá một tuần. Trại gà bao gồm 15 dãy trại nuôi, 11 trại có kích thước 15,3 m x 100,2 m, 4 trại có kích thước 15,3 m x 98,2 m, thời gian 02 lứa nuôi cách nhau ít nhất 60 ngày, nhưng vẫn đảm bảo nuôi 01 năm nuôi 05 lứa.

Chăm sóc, nuôi dưỡng

Trong quá trình chăn nuôi từ lúc mới thả gà đến lúc gà trưởng thành và xuất trại, các cán bộ của Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam sẽ theo sát quá trình nuôi và có những hướng dẫn cụ thể cho chủ trang trại và những công nhân tham gia trực tiếp

trong quá trình chăn nuôi. Mọi sự cố phát sinh sẽ do những cán bộ này trực tiếp hướng dẫn khắc phục. Các bước chăm sóc, nuôi dưỡng được thực hiện như sau:

Gà được nuôi theo quy trình kỹ thuật chăn nuôi trại lạnh khép kín với nhiệt độ trong nhà nuôi gà luôn được giữ ở mức từ 23°C đến 30°C, trung bình là khoảng 27°C.

Mật độ nuôi gà: mật độ nuôi trung bình khoảng 10 -11 con/m², trang trại bao gồm 15 dãy trại, một dãy trại 1.533m² có sức chứa 17.000 con/trại.

Cung cấp thức ăn: Toàn bộ quá trình chăn nuôi đều được thực hiện bởi các thiết bị tự động. Thức ăn sẽ được cho vào bồn nạp nguyên liệu và từ đây nguồn thức ăn này sẽ được phân phối một cách tự động đến các máng ăn. Khi nguồn thức ăn trong máng ăn bị giảm xuống thì hệ thống sẽ tự động bơm thêm thức ăn vào. Lượng thức ăn cung cấp hàng ngày cho gà sẽ được tính toán sao cho vừa đủ nhu cầu của gà trong từng giai đoạn phát triển để tránh tình trạng thức ăn dư thừa rơi vãi xuống sàn gây mùi hôi thối.

Gà cần được ăn liên tục, suốt ngày đêm để mau xuất trại. Mỗi ngày nên đồ và đảo thức ăn kích thích gà ăn ít nhất 4 lần: sáng, trưa, chiều và 10 giờ đêm để gà được ăn suốt đêm. Trong quá trình nuôi nên chú ý phát hiện sớm gà bị què, bết chân, yếu để kịp thời đưa nuôi riêng, chăm sóc tốt, để chúng lớn kịp theo đàn.

Cung cấp nước uống: Nguồn nước cho gà uống cũng được cung cấp tự động, khi nguồn nước trong máng bị giảm xuống thì hệ thống sẽ tự động bơm thêm nước vào máng uống nhằm đảm bảo đầy đủ nguồn nước uống cho gà. Các núm uống cảm ứng sẽ hạn chế được tình trạng nước đổ xuống sàn. Trong trường hợp cần cho gà uống vaccine hoặc thuốc thú y thì sẽ được pha chung với nước.

Sử dụng vacxin cho gà: Loại và thời điểm sử dụng vacxin được xem xét sao cho đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đàn gà dựa trên lịch dùng chung và lịch điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của khu vực.

Trong quá trình nuôi, nguồn phát sinh nhiệt thừa, mùi trong trại từ quá trình thông tản gió, ngoài ra lượng chất thải rắn từ bao bì chứa thực phẩm và cá thể gà không đạt yêu cầu phát sinh, do đó chủ trang trại sẽ thường xuyên phun thuốc khử trùng, khử mùi quanh các trại nuôi, các phương tiện ra vào khu vực nuôi cũng cần khử trùng khi ra vào khu vực nuôi. Riêng đối với công nhân trực tiếp nuôi khi vào trại nuôi phải mang giày và quần áo đúng quy định, tất cả phải được khử trùng trước khi vào trại chăn nuôi.

Xuất trại

Gà được nuôi trong 1 lứa với khoảng thời gian 40 - 45 ngày đạt được trọng lượng 2,2 – 2,8 kg thì sẽ xuất trại, mỗi năm trang trại nuôi 05 lứa gà thịt. Trước khi gà xuất trại được kiểm dịch, sau đó được đưa ra thị trường tiêu thụ.

Vệ sinh trang trại

Sau khi gà xuất trại, phân gà cùng trấu lót sẽ được xử lý các mầm bệnh bằng chế phẩm sinh học. Sau đó, được thu gom đóng bao loại 50kg và bán cho đơn vị có nhu cầu làm phân bón thu mua ngay tại chuồng. Trường hợp bán không kịp, công nhân sẽ thu

gom vận chuyển vào nhà chứa phân gà và trâu có diện tích 68,04m², để bán cho các đơn vị có nhu cầu và tiếp tục phun chế phẩm sinh học khử mùi hằng ngày. Sau khi thu gom, phân gà còn sót trong trại nuôi sẽ được rửa sạch, mỗi lứa nuôi trang trại sẽ xuất gà trong 15 ngày (1 ngày xuất 1 trại), lượng nước vệ sinh của trại khoảng 2m³/trại/ngày (tương đương 30m³/lứa nuôi). Do đó sau 02 dãy trại nuôi, chủ cơ sở đã xây dựng 1 hệ thống bể lắng lọc 3 ngăn để xử lý nước thải, nước thải sau đó sẽ dẫn vào 03 mương sinh học để tiếp tục xử lý trước khi lưu chứa vào hồ chứa nước thải. Trại nuôi sẽ được dọn dẹp sạch sẽ, nền trại được phun khử trùng toàn bộ khu vực nuôi bằng dung dịch formol 2%. Sau đó trại nuôi sẽ được để trống khoảng 6-7 ngày để chờ nuôi đợt tiếp theo.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Quy mô của trang trại là chăn nuôi 255.000 con gà thịt mỗi đợt nuôi (45 ngày/lứa nuôi), mỗi năm trại nuôi 05 lứa gà thịt. Bình quân mỗi năm cung cấp cho thị trường 1.275.000 con gà thịt sạch. Trọng lượng mỗi con gà thịt xuất bán đạt trung bình khoảng 2,5 kg; do đó bình quân mỗi lứa cơ sở xuất cung cấp cho thị trường khoảng 637.500 kg thịt gà sạch.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

❖ Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu

Nhu cầu về con giống

Quy mô trang trại gồm 255.000 con/lứa, mỗi lứa nuôi khoảng 45 ngày, Gà con giống (1 ngày tuổi) được nhập từ công ty TNHH Emivest Feedmil Việt Nam và được Công ty TNHH Emivest Feedmil Việt Nam vận chuyển trực tiếp về trang trại. Gà giống với khối lượng từ 35 – 40gram.

Nhu cầu về thức ăn cho gà

Tất cả nguồn thức ăn tại trang trại được Công ty TNHH Emivest Feedmil Việt Nam cung cấp định kỳ 5 ngày/lần. Nhu cầu về thức ăn cung cấp cho gà thịt theo từng giai đoạn phát triển của gà như sau:

Bảng 1.2: Khối lượng thức ăn cung cấp cho gà trong các giai đoạn tại trang trại

STT	Giai đoạn	Trọng lượng gà dự kiến (kg/con)	Lượng thức ăn cung cấp (g/con/ngày)	Lượng thức ăn cung cấp trong 01 ngày	Lượng thức ăn cung cấp trong 01 lứa nuôi
1	Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi	0,4kg – 0,9kg	54g	13,77 tấn/ngày	192,78 tấn/lứa nuôi
2	Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi	0,9kg – 2kg	90g	22,95 tấn/ngày	344,25 tấn/lứa nuôi

3	Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại)	2kg – 2,8kg	115g	29,33 tấn/ngày	410,62 tấn/lứa nuôi
Tổng					947,65 tấn/lứa

Nguồn: Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh

Nhu cầu về trấu

Vỏ trấu được sử dụng làm lớp đệm bên dưới trong mỗi dãy trại trước khi thả con giống, ngoài chức năng giữ ấm cho con giống thì lớp vỏ trấu còn nhiệm vụ hấp thụ một phần các mùi hôi phát ra từ phân gà trong khi chăn nuôi. Nhu cầu vỏ trấu tại trang trại là thường xuyên và trước mỗi đợt thả gà con vào trại.

Nhu cầu trấu sử dụng tại trại:

+ Diện tích 11 trại nuôi là $15,3\text{m} \times 100,2\text{m} = 1.533\text{m}^2$, lớp vỏ lót được thiết kế dày 10cm (0,1m). Thể tích lớp trấu là $1.533 \times 0,1 = 153 \text{ m}^3$.

+ Diện tích 4 trại nuôi là $15,3\text{m} \times 98,2\text{m} = 1.502\text{m}^2$, lớp vỏ lót được thiết kế dày 10cm (0,1m). Thể tích lớp trấu là $1.502 \times 0,1 = 150,2 \text{ m}^3$.

Khối lượng riêng trung bình của trấu $130\text{kg}/\text{m}^3$. Vậy nhu cầu trấu sử dụng cho trại chăn nuôi là:

Trại diện tích 1.533 m^2 : $130\text{kg}/\text{m}^3 \times 153 \text{ m}^3 = 19.890 \text{ kg/trại} \sim \mathbf{19,9 \text{ tấn/trại}}$

Trại diện tích 1.502 m^2 : $130\text{kg}/\text{m}^3 \times 150,2 \text{ m}^3 = 19.526 \text{ kg/trại} \sim \mathbf{19,5 \text{ tấn/trại}}$

+ Với số lượng 11 dãy trại nuôi (diện tích mỗi trại $15,3\text{m} \times 100,2\text{m}$) thì tổng lượng vỏ trấu được sử dụng cho trang trại như sau:

$11 \text{ dãy trại nuôi} \times 19,9 \text{ tấn vỏ trấu/dãy trại} = \mathbf{218,9 \text{ tấn vỏ trấu/lứa nuôi.}}$

+ Với số lượng 4 dãy trại nuôi (diện tích mỗi trại $15,3\text{m} \times 98,2\text{m}$) thì tổng lượng vỏ trấu được sử dụng cho trang trại như sau:

$4 \text{ dãy trại nuôi} \times 19,5 \text{ tấn vỏ trấu/dãy trại} = \mathbf{78 \text{ tấn vỏ trấu/lứa nuôi.}}$

→ Như vậy, tổng nhu cầu sử dụng trấu tại trang trại là **296,9 tấn trấu/lứa nuôi**

Nhu cầu về hoá chất, vắc xin, thuốc thú y, vitamin

Thuốc thú y, vaccin trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn cho con giống. Toàn bộ lượng thuốc thú y, vaccin, vitamin... cho con giống được Công ty TNHH Emivest Feedmil Việt Nam cung cấp. Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y tại trang trại cụ thể như sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vaccin tại trang trại

STT	Tên thuốc	Định mức	Khối lượng
1	Newcastle	1 liều/con	510.000 liều/lứa

2	Gumboro	1 liều/con	765.000 liều/lứa
3	Cúm H5N1	1 liều/con	255.000 liều/lứa
4	Tụ huyết trùng gà	1 liều/con	255.000 liều/lứa
5	Đậu gà	1 liều/con	255.000 liều/lứa

Bảng 1.4: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y cho trang trại

Ngày tuổi	Loại vacxin	Cách sử dụng	Mục đích sử dụng
Ngày 1 – 2	Newcastle chủng F (lần 1)	Nhỏ mắt – mũi hoặc phun	Phòng bệnh gà rù (Newcastle)
Ngày 3	Gumboro (lần 1)	Cho uống từng con	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 7	Đậu gà	Chủng màng cánh	Phòng bệnh Đậu gà
Ngày 10	Gumboro (lần 2)	Cho uống trực tiếp hoặc pha vào nước uống	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 15	Cúm H5N1	Tiêm	Phòng bệnh cúm gia cầm
Ngày 20	Tụ huyết trùng	Tiêm	Phòng bệnh tụ huyết trùng
Ngày 25	Gumboro (lần 3)	Pha nước uống	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 28	Newcastle chủng F (lần 2)	Nhỏ mắt – mũi, phun, tiêm	Phòng bệnh gà rù (Newcastle)

Ngoài ra trang trại bổ sung thêm một số vitamin, kháng sinh và khoáng chất vào nước uống, thức ăn để cung cấp các chất dinh dưỡng thiết yếu cho gà để giảm thiểu bệnh tật và giúp đàn gà phát triển nhanh. Định mức sử dụng các loại vitamin cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1.5: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin/kháng sinh cho gà

STT	Vitamin/Kháng sinh	Đơn vị tính	Định mức
I	Vitamin		
1	Vitamin A	IU/kg	7.000 – 10.000
2	Vitamin D3	IU/kg	1.500 – 2.500
3	Vitamin E	mg/kg	20 – 30
4	Vitamin K3	mg/kg	1 – 3
5	Vitamin B1	mg/kg	1,0 – 2,5
6	Vitamin B2	mg/kg	4 – 7
7	Vitamin B6	mg/kg	2,5 – 5,0
8	Vitamin B12	mg/kg	0,015 – 0,025
9	Niacin	mg/kg	25 – 40
10	Pantothenic acid	mg/kg	9 – 11
11	Folic acid	mg/kg	0,8 – 1,2

12	Biotin	mg/kg	0,10 – 0,15
13	Vitamin C	mg/kg	100 – 150
14	Choline	mg/kg	200 – 400
II	Kháng sinh		
15	Gentamycin (16,13%)	mg/ml	0,8
16	Norfloxacin (0,3%)	mg/ml	200 - 400
17	Trimethoprim	g/kg	1/10

Nguồn: Tư vấn kỹ thuật của Công ty TNHH Emivest Feedmil Việt Nam

+ *Nhu cầu về thuốc sát trùng:*

Thuốc sát trùng sử dụng do Công ty TNHH Emivest Feedmil Việt Nam cung cấp chủ yếu là Omicide và vôi bột. Thuốc sát trùng sau khi được cung cấp sẽ được pha loãng với nước và phun khử trùng thường xuyên tại khu vực cổng ra – vào của trang trại, vệ sinh trại nuôi sau khi thu hoạch, phun xung quanh và bên trong trang trại để diệt khuẩn. Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng tại trang trại như sau:

- Omicide: 80 lít/lứa nuôi.
- Vôi bột: 60 bao/ lứa nuôi.
- Formol 2%: 850 lít/ lứa nuôi.

Riêng chế phẩm vi sinh khử mùi EM sử dụng trong quá trình sát khuẩn và phun lớp đệm trấu ước tính: 1000 lít/lứa nuôi.

+ *Nhu cầu về thuốc diệt côn trùng:*

Để diệt muỗi, ruồi, kiến, gián, mạt gà và côn trùng khác ở tường, trần nhà, cửa, đường đi, sân vườn,...bên ngoài và các khu vực xung quanh chuồng trại chăn nuôi. Chủ cơ sở sẽ sử dụng thuốc diệt côn trùng Vemedim với nhu cầu ước tính 10 lít/lứa nuôi. Cách dùng: Pha thuốc với tỉ lệ 25 ml/lít nước. Phun xịt 20-50 m² bề mặt hoặc 500 m³ khoảng không.

❖ **Nhu cầu sử dụng điện năng**

Nguồn cung cấp điện cho trang trại là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia, điện sẽ được tiêu thụ cho các mục đích chăn nuôi, sinh hoạt, vận hành hệ thống xử lý nước thải...với nhu cầu sử dụng trung bình khoảng 30.163 Kwh/tháng (*căn cứ thông báo tiền điện 3 tháng gần nhất*). Ngoài ra, để đảm bảo nhu cầu cung cấp điện cho trang trại hoạt động được liên tục trong trường hợp gặp sự cố từ lưới điện quốc gia, trang trại trang bị 02 máy phát điện dự phòng, công suất 1 máy là 400 KVA.

❖ **Nhu cầu về nhiên liệu (Dầu DO)**

Nhiên liệu sử dụng cho cơ sở là dầu DO chạy máy phát điện. Dầu DO chỉ mua dự trữ để chạy theo từng đợt, không mua về một lần để dự trữ trong trại.

Chủ cơ sở sử dụng 02 máy phát điện DO dự phòng với công suất 400 KVA, khi chạy máy phát điện, định mức tiêu thụ dầu DO là 10 Kg/máy.h. Giả sử, sự cố mất điện diễn ra 2 tuần một lần và kéo dài 2h thì tổng nhu cầu sử dụng dầu DO để chạy máy phát điện dự phòng là:

$$10 \text{ kg/máy.h} \times 2 \text{ máy} \times 2 \text{ h/tuần} \times 2 \text{ lần/tháng} \times 12 \text{ tháng/năm} = 960 \text{ kg/năm}$$

❖ **Nhu cầu sử dụng nước**

Nước được sử dụng chủ yếu cho hoạt động chăn nuôi gà, nhu cầu sinh hoạt của nhân viên, nước tưới cây xanh, vệ sinh và PCCC.

Bảng 1.6: Tổng nhu cầu sử dụng nước của trang trại

STT	Nhu cầu sử dụng		Lượng nước cung cấp (m³/ngày.đêm)
1	Nước phục vụ sinh hoạt		3,625
2	Nước phục vụ hoạt động chăn nuôi	Nước uống cho gà	102
		Nước vệ sinh trại nuôi gà (m³/đợt vệ sinh/chuồng nuôi)	2,0
		Nước làm mát trại nuôi gà (lượng nước bổ sung)	15,0
		Nước cấp hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút	7,5
		Nước vệ sinh dụng cụ chăn nuôi	1,0
3	Nước tưới cây xanh, đường nội bộ		1,0
TỔNG			132,125

Cơ sở tính toán:

- *Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt:*

Trang trại hiện nay có 25 công nhân viên, nước dùng cho sinh hoạt của 25 công nhân viên (căn cứ Theo TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về việc cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, nước dùng cho sinh hoạt cho nhân viên tại Trang trại là: 120 lít/người/ngày, nước cấp hoạt động nấu ăn là 25 lít/người/ngày):

$$Q_{\text{NCSH}} = 25 \text{ người} \times 120 \text{ lít/người} = 3,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

$$Q_{\text{NCNA}} = 25 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người} = 0,625 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

$$\text{Tổng lượng cấp nước sinh hoạt: } 3,0 + 0,625 = 3,625 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

- *Nhu cầu cấp nước phục vụ hoạt động chăn nuôi:* Nước sử dụng chủ yếu cho cung cấp nước uống cho gà, nước rửa trại nuôi.

- *Lượng nước cung cấp cho gà uống*

Căn cứ *Bảng 13, mục 5.1.4 của TCVN 3773:1983*, định mức nước sử dụng để cung cấp 100 con gà/ngày.đêm (kể cả hao phí trong trại nuôi) là: 40 lít. Do đó, cứ 1 con gà sử dụng 0,4 lít/ngày.đêm.

$$Q_{NU} = 0,4\text{lít/ngày.đêm} \times 255.000 \text{ con gà} = \mathbf{102 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}}$$

- *Lượng nước dùng rửa trại nuôi:*

Trong quá trình chăn nuôi, trung bình mỗi đợt sẽ xuất 1 dãy trại, thời gian dọn dẹp vệ sinh và giãn cách là 15 ngày (*thời gian dọn dẹp trại là 4-5 ngày và thời gian để thoát khí trước khi nhập lứa mới là 6-7 ngày tiếp theo*). Quá trình vệ sinh trại nuôi chủ yếu là việc rửa trại, dọn phân trâu lớt trại và các công tác chuẩn bị trước khi thả lứa mới. Chủ cơ sở lắp đặt các vòi xịt rửa cao áp tại khu vực trại nuôi, lượng nước vệ sinh trại nuôi mỗi đợt xuất trại là 2 m³/đợt vệ sinh/chuồng nuôi (*chuồng nuôi được vệ sinh lần lượt, 01 ngày chỉ vệ sinh 01 chuồng nuôi*).

- *Nước cấp hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút:* 15 trại x 0,5 m³/ngày.đêm = **7,5 m³/ngày.đêm**
- *Lượng nước dùng làm mát:*

Lượng nước này chiếm khoảng 30m³ (tương đương 2,0m³/ngày.đêm/dãy trại) với mục đích làm mát cho tất cả các trại. Tuy nhiên, lượng này được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài. Lượng nước cần bổ sung hàng ngày do bốc hơi khoảng: 1,0 m³/ngày/dãy trại.

$$Q_{LM} = 15 \text{ dãy} \times 1,0 \text{ m}^3/\text{ngày} = \mathbf{15,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}}$$

- *Lượng nước dùng trong khâu vệ sinh:* chủ yếu phục vụ cho khâu vệ sinh khử trùng quần áo, tay chân, giày dép, dụng cụ máng ăn hàng ngày: **1,0m³/ngày.đêm.**
- *Nước tưới cây xanh, đường nội bộ:* **1,0 m³/ngày.**

→ Như vậy, tổng nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và chăn nuôi của trang trại là **132,125 m³/ngày.đêm.**

+ *Nguồn cung cấp nước:*

Sử dụng nước giếng khoan trong khu vực trang trại. Nguồn nước này có chất lượng tốt, đảm bảo chất lượng cho sinh hoạt và chăn nuôi. Số giếng khai thác: 02 giếng, công suất mỗi giếng 66 m³/ngày.đêm. Chủ cơ sở đang tiến hành lập hồ sơ xin phép khai thác nước theo đúng quy định của pháp luật.

+**Nước dùng cho PCCC:** Lượng nước dự trữ cấp cho 1 hoạt động chữa cháy được tính cho 01 đám cháy trong 02 giờ liên tục với lưu lượng 10 lít/giây/đám cháy.

$$Q_{CC} = 10 \text{ (lít/giây)} \times 2 \text{ (giờ)} \times 3.600 \text{ (giây/giờ)} = \mathbf{72.000 \text{ (lít)} \sim 72 \text{ m}^3}$$

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

Nhu cầu trang thiết bị phục vụ chăn nuôi của cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị

STT	DANH MỤC THIẾT BỊ	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ
I. HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ					
01	Quạt hút công nghiệp	cái	135	2023	Việt Nam
02	Hệ thống dàn lạnh + motor bơm nước công suất 1,5 HP	bộ	15	2023	Việt Nam
03	Hệ thống cảm ứng nhiệt độ, độ ẩm bên trong và bên ngoài	bộ	15	2023	Việt Nam
04	Hệ thống nhiệt sưởi	bộ	15	2023	Việt Nam
05	Hệ thống điều khiển nhiệt độ kết nối với bộ điều khiển tự động	bộ	15	2023	Việt Nam
II. HỆ THỐNG MÁNG ĂN					
06	Đường dẫn thức ăn, máng ăn, hộp đựng cám	bộ	15	2023	Việt Nam
07	Bồn chứa thức ăn bên ngoài	cái	15	2023	Việt Nam
III. HỆ THỐNG NƯỚC UỐNG TỰ ĐỘNG					
08	Đường dẫn nước, núm uống	bộ	150	2023	Việt Nam
09	Bộ phận điều chỉnh áp lực nước	bộ	15	2023	Việt Nam
10	Bộ phận đo khối lượng nước sử	cái	15	2023	Việt Nam
11	Bộ phận pha thuốc	bộ	15	2023	Việt Nam
12	Hệ thống điều khiển nối với bộ điều khiển tự động	bộ	15	2023	Việt Nam
13	Chụp úm gà bằng điện	bộ	15	2023	Việt Nam
14	Máy bơm nước công suất 3HP	bộ	03	2023	Việt Nam
15	Máy phát điện dự phòng công suất 400 KVA	cái	02	2023	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh

5.2. Quy mô hoạt động cụ thể của các hạng mục công trình bao gồm:

Diện tích bố trí các khu vực của trang trại được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.8 Các hạng mục công trình của trang trại

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Dài	Rộng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Diện tích xây dựng				30,261.33	33.62
A	Các hạng mục công trình chính				24,316.76	27.02

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

1	Trại nuôi gà	15	--	--	22,873.50	25.42
1.1	Trại nuôi gà 1	11	100.2	15.3	16,863.66	18,74
1.2	Trại nuôi gà 2	4	98.2	15.3	6,009.84	6,68
2	Kho thức ăn	15	--	--	1,166.46	1.30
2.1	Kho thức ăn 1	11	4.2	17.3	799.26	0.89
2.2	Kho thức ăn 2	4	6.0	15.3	367.20	0.41
3	Kho thuốc thú y	1	16.0	17.3	276.80	0.31
B	Các hạng mục công trình phụ trợ				1,053.45	1.17
4	Nhà bảo vệ	1	5.3	5.1	27.03	0.03
5	Nhà sát trùng xe	1	14.3	4.8	68.64	0.08
6	Nhà sát trùng người	1	4.1	2.35	9.64	0.01
7	Nhà để xe	1	8	6	48.00	0.05
8	Trạm điện	1	3	2	6.00	0.01
9	Nhà để máy phát điện	1	10.2	8.2	83.64	0.09
10	Bể chứa nước có mái che	1	39	10.2	397.80	0.44
11	Đài nước	1	3.6	2.7	9.72	0.01
12	Đài nước 4m3	1	4	3	12.00	0.01
13	Nhà ở công nhân kết hợp phòng cách ly	1	17.3	4.3	74.39	0.08
14	Nhà điều hành kết hợp nhà ăn	1	--	--	316.59	0.35
			44.2	6.9	304.98	0.34
			4.3	2.7	11.61	0.01
C	Hạng mục bảo vệ môi trường				4,891.12	5.43
15	Nhà chứa phân gà và trấu	1	16.2	4.2	68.04	0.08
16	Nhà chứa chất thải thông thường	1	5.4	4.4	23.76	0.03
17	Nhà chứa chất thải nguy hại	1	5.4	4.4	23.76	0.03
18	Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi	35	--	--	321.56	0.36
18.1	Hố thu	24	1.2	1.2	34.56	0,04
18.2	Hầm lắng lọc 3 ngăn	8	5.0	3.5	140.00	0.16

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

18.3	Mương sinh học số 02	3	7.0	7.0	147.00	0.16
19	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	3	--	--	70.00	0.08
19.1	Bể tách dầu	1	2.0	2.0	4.00	0.01
19.2	Bể tự hoại	1	3.0	4.0	12.00	0.01
19.3	Mương sinh học số 01	1	6.0	9.0	54.00	0,06
20	Hồ chứa nước thải sau xử lý	1	7.0	20.0	140.00	0.16
21	Hầm tiêu hủy xác gà	2	9.0	3.0	54.00	0.06
22	Ao thu nước mưa 1	1	20.0	47.0	940.00	1,04
23	Ao thu nước mưa 2	1	17.0	50.0	850.00	0,94
24	Khu đất dự phòng chôn lấp	1	80	30	2,400.00	2.67
II	Sân, đường nội bộ				12,200.00	13.56
III	Cây xanh				28,350.00	31.50
IV	Đất trống dự phòng				19,188.67	21.32
	TỔNG CỘNG				90,000.00	100.00

Nguồn: Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh

❖ **Hạng mục công trình chính**

Khu trại nuôi gà: diện tích 22,873.50 m², bao gồm 15 dãy trại, một dãy trại 1.533 m² có sức chứa 17.000 con/trại nuôi, mật độ chăn nuôi khoảng 10 - 11 con/m². Khoảng cách giữa 2 trại là 6,0 m. Chiều cao đến đỉnh mái là 3,9m. Mái lợp tole, hệ kèo là khung sắt, tường xây gạch đất nung bao che dày 20cm. Nền bê tông đá 1x2, M200, dày 150, nền trại tạo độ dốc 3% từ hướng Tây sang hướng Đông, rãnh thoát nước tạo độ dốc 1% về hướng Đông Nam. Cuối mỗi dãy trại bố trí 9 quạt hút, tổng cộng 135 quạt hút mùi cho 15 dãy chuồng nuôi.

❖ **Các hạng mục công trình phụ trợ của trang trại**

- *Nhà sát trùng xe + người:* diện tích 78,28 m² thực hiện công tác sát trùng xe và người ra vào trại chăn nuôi với kết cấu nền BTCT, cột kèo thép, tường gạch, quét vôi bên ngoài, mái tole.

- *Nhà ở công nhân + nhà điều hành + nhà ăn, bếp:* diện tích 390,98 m², nền lát gạch chống trơn 400x400, vữa xi măng M75, tường trong và ngoài sơn nước, lớp vữa xi măng M75, cột kèo thép, tường gạch, mái tole.

- *Khu vực trạm điện + đặt máy phát điện:* diện tích 89,64 m² với kết cấu bê tông đá, tường gạch, sơn tường màu, mái lợp tole.

- *Kho thức ăn*: 15 kho tại mỗi dãy chuồng, diện tích 1.166,46 m² với kết cấu móng, nền BTCT, cột kèo thép, tường gạch, mái tole.

- *Kho chứa thuốc thú y*: 01 kho, diện tích 276,8 m² với kết cấu móng, nền BTCT, cột kèo thép, tường gạch, mái tole.

❖ **Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:**

- *Kho chứa CTNH*: diện tích 23,76 m², nền lát gạch chống trơn 400x400, vữa xi măng M75, tường trong và ngoài sơn nước, kết cấu khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông chứa chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động.

- *Kho chứa chất thải rắn thông thường*: diện tích 23,76 m², nền lát gạch chống trơn 400x400, vữa xi măng M75, tường trong và ngoài sơn nước, kết cấu khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông chứa chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động.

- *Khu vực tiêu hủy xác gà*: số lượng 02 hố, diện tích 54m² xây dựng hố bê tông, có nắp đan đầy kín được đặt cách xa khu nhà ở công nhân, phía cuối trại.

- *Nhà chứa phân gà và trấu*: diện tích 68,04 m² để lưu trữ tạm thời phân gà lẫn trấu lót trại sau mỗi lứa nuôi với kết cấu khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông.

- *Công trình xử lý nước thải chăn nuôi*: diện tích 321,56 m² (bao gồm 8 bể lắng lọc 03 ngăn và 3 mương sinh học) xử lý lượng nước thải phát sinh tại trang trại.

- *Công trình xử lý nước thải sinh hoạt*: diện tích 70 m² (bao gồm bể tự hoại, bể tách dầu và mương sinh học) xử lý lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- *Hồ chứa nước thải*: diện tích 140 m² để lưu chứa nước thải chăn nuôi sau xử lý.

- *Ao thu nước mưa*: 2 ao diện tích 1.790 m² thu gom nước mưa toàn bộ của trang trại.

- *Khu vực đất dự phòng xử lý chôn lấp*: diện tích đất dự phòng khoảng 2.400 m² được bố trí phòng trừ trường hợp dịch bệnh lây lan, tiêu hủy toàn bộ gà tại trang trại.

❖ **Các hạng mục công trình phụ trợ khác**

a, Hệ thống điện

- Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia.
- Hệ thống điện đi trong trại trên máng cáp, nếu đi nổi thì đi trong ống thép không rỉ, HT chống sét công trình theo TCVN 46-84, Max Rtd: 10 Ω.
- Chiều sáng khu vực sản xuất đạt từ 100 - 200 lux tùy theo yêu cầu của từng khu vực.
- Nhu cầu sử dụng điện cho cơ sở khoảng 30.000 Kwh/tháng. Như vậy, ước tính mỗi năm cơ sở sử dụng khoảng 360.000 Kwh/năm.
- Cơ sở còn sử dụng dầu DO để chạy máy phát điện. Cơ sở sử dụng 02 máy phát điện dự phòng chạy bằng dầu DO công suất 400KVA để phục vụ nhu cầu sử dụng điện

của cơ sở đảm bảo cho chăn nuôi được thường xuyên mỗi khi có sự cố từ lưới điện quốc gia.

b, Hệ thống cấp nước

Sử dụng hệ thống cấp nước từ 02 giếng khoan bơm lên bồn chứa 5.000L, sau đó được truyền đến các thiết bị cần cung cấp.

- Số lượng giếng khai thác: 02 giếng
- Mục đích khai thác: Cho hoạt động sinh hoạt, hoạt động chăn nuôi của trang trại.
- Tổng lưu lượng khai thác của 02 giếng: 132 m³/ngày.đêm

c, Hệ thống thoát nước

+ Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở được bố trí dọc theo trang trại và dùng tách biệt với tuyến thoát nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt và chăn nuôi sẽ được tách riêng để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

d, Hệ thống thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc với chức năng liên lạc, truyền thông tin, thông báo, tìm kiếm dữ liệu...khi cần thiết, được đấu nối vào hệ thống cáp thông tin liên lạc có sẵn và chịu sự quản lý của bưu điện tỉnh Tây Ninh, gồm:

- Hệ thống Internet
- Hệ thống điện thoại

e, Hệ thống phòng cháy chữa cháy

Theo quy định tại Khoản 13, Điều 13, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định về thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về PCCC và phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ thì công trình trang trại chăn nuôi không thuộc đối tượng phải thẩm định thiết kế về phòng cháy chữa cháy, nhưng phải thiết kế bảo đảm yêu cầu về PCCC theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC.

f, Hệ thống chống sét

Hệ thống chống sét là loại kim thu sét tia tiên đạo, bán kính hoạt động tối thiểu là 55m, với cáp dẫn sét loại đồng trần đường kính 50 mm², được luồn trong ống PVC và dẫn đến hộp đếm sét và hệ tiếp đất.

❖ Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

1. Công trình xử lý nước thải

- Nước thải chăn nuôi của cơ sở được thu gom về 08 hầm lắng, mỗi hầm lắng có ba ngăn, kích thước 5m x 3,5m x 1,5m. Nước thải sau hầm lắng chảy về mương sinh học số 02, số 03 và số 04 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước

thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT, sau đó tự chảy về hồ chứa nước thải trong khuôn viên của trang trại, không xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải nấu ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ. Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại. Nước thải sau bể tách dầu mỡ, sau bể tự hoại chảy ra mương sinh học số 01 để xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, không xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Công trình xử lý khí, mùi hôi

+ Thường xuyên vệ sinh chuồng trại gà thường xuyên (súc rửa, vệ sinh máng ăn, máng uống...) để hạn chế việc phát sinh mùi từ thức ăn ôi, thiu. Sử dụng các chất khử mùi nằm trong Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

+ Mùi hôi sau hệ thống quạt hút được xử lý bằng buồng thu khí kết hợp với hệ thống vòi phun sương phun chế phẩm khử mùi EM trước khi thoát ra môi trường.

3. Công trình thu gom chất thải rắn

+ Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa thích hợp. Các thùng chứa được bố trí tại khu vực xung quanh và trong trang trại. Chủ cơ sở sẽ tiến hành ký hợp đồng thu gom rác theo đúng quy định.

+ Chất thải không nguy hại như vỏ lon, vỏ chai, thùng carton được thu gom và lưu chứa tại khu vực nhà chứa diện tích khoảng 23,76 m² và bán lại cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

+ Chất thải rắn nguy hại được thu gom và lưu chứa tại kho chứa chất nguy hại diện tích 23,76m² đặt phía Bắc của trang trại. Khu vực lưu trữ, tập kết CTR nguy hại sẽ được bố trí tuân thủ theo quy định và đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

+ Chất thải chăn nuôi: được thu gom ngay tại chuồng sau khi xuất bán gà, trường hợp chưa thu gom phân kịp sẽ đưa vào nhà chứa trâu, phân diện tích 68,04 m² và bán lại cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

+ Bố trí đất dự phòng chôn lấp với diện tích 2.400m² để xử lý gà chết do dịch bệnh trong trường hợp xảy ra sự cố dịch bệnh.

Nhận xét: Trại chăn nuôi đặt tại vị trí rộng, thoáng, dân cư thưa thớt nên thuận lợi trong việc phát triển hoạt động chăn nuôi. Hơn nữa, cơ sở đi vào hoạt động ngoài việc mang lại hiệu quả kinh doanh cho chủ cơ sở còn góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương, tạo công ăn việc làm với thu nhập ổn định cho người dân, góp phần giải quyết tình trạng thất nghiệp và lành mạnh hoá môi trường xã hội tại địa phương. Tuy nhiên quá trình hoạt động của cơ sở cũng sẽ có các tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh như ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước và mùi hôi từ quá trình chăn nuôi phát tán ra xung quanh. Vì vậy, chủ cơ sở sẽ có các biện pháp giảm thiểu tác động thấp nhất đến môi trường.

5.3 Tổ chức quản lý trang trại

Tổng số công nhân làm việc tại trang trại hiện nay khoảng 25 người. Trong đó:

- + Quản lý trại: 01 người
- + Kế toán + nhân sự: 2 người
- + Các bộ kỹ thuật chăn nuôi: 1 người
- + Công nhân: 20 (Thuê nhân công địa phương)
- + Bảo vệ: 01 (Thuê nhân công địa phương)

5.4 Tổng mức đầu tư

Giá trị tổng mức đầu tư: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng), trong đó vốn chủ cơ sở góp để thực hiện đầu tư là: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng),

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

- Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: Chính phủ đã có quyết định 274/QĐ-TTg ngày 18/02/2020 phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu hình thành một khung tổng thể, có tính thực tiễn cao, thống nhất trong ngành và thống nhất với các quy hoạch khác.

Dựa trên Bản quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia dự thảo, trang trại đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, đầu tư công trình bảo vệ môi trường, ứng dụng công nghệ hiện đại vào chăn nuôi để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng. Do đó, cơ sở hoàn toàn phù hợp với các giải pháp để đạt mục tiêu trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia như: nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp; Ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh: Cơ sở phù hợp theo các quan điểm, mục tiêu phát triển của tỉnh theo Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cụ thể: tại mục 4 phần II các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển có nêu “*Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm sử dụng đất đai và lao động. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.*” qua đó đối với Trang trại chăn nuôi gà là mô hình trại lạnh khép kín, ứng dụng công nghệ sạch vào chăn nuôi, lượng chất thải trong các quá trình chăn nuôi được giảm tối đa nhờ áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn sinh học vì vậy hoàn toàn phù hợp với mục tiêu trên.

- Về phân vùng môi trường: Theo Nghị quyết số 117 được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khoá X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 22.9.2023, tỉnh Tây Ninh phân chia 3 vùng để bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Gồm các khu dân cư tập trung ở đô thị (khu vực nội thành, nội thị) của các đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh, bao gồm các phường thuộc thành phố Tây Ninh (đô thị loại II), các phường thuộc thị xã Hoà Thành và thị xã Trảng Bàng (đô thị loại III).

+ Vùng hạn chế phát thải: các vùng đệm của các khu bảo tồn (Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát, Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen); vùng đất ngập nước quan trọng hồ Dầu Tiếng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị được quy hoạch loại IV và V; rừng phòng hộ Dầu Tiếng; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Vùng bảo vệ khác: Bao gồm các khu vực còn lại, trong đó đáng chú ý là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các làng nghề có khả năng gây ô nhiễm cao.

Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh nằm trong vùng quy hoạch chăn nuôi, có đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường và không có dân cư sinh sống nên không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải nên đảm bảo phù hợp với phân vùng bảo vệ môi trường của tỉnh Tây Ninh.

Vị trí thực hiện “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” tại ấp 04, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 04/05/2021, không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như hạn chế phát thải.

Như vậy, “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Tây Ninh nói chung và của huyện Tân Châu nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh trang trại và trang trại chăn nuôi hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

2.1. Đối với môi trường nước

Nước thải sinh hoạt: Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở chủ yếu của công nhân làm việc tại trang trại với lưu lượng khoảng 3,625 m³/ngày.đêm, sẽ được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nấu ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu. Nước thải sau đó được chảy về mương sinh học số 01, kích thước 6m x 9m x 1,5m, phía trên phủ 1 lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải thiện môi trường nước, xung quanh mương sinh học sẽ trồng các cây xanh và cây ăn quả, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K = 1,2 cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước trong mương sinh học một phần sẽ tự bốc hơi, một phần được tận dụng để tưới cây trong trang trại, không xả nước thải ra môi trường.

Nước thải chăn nuôi: Trong quá trình chăn nuôi giai đoạn hoạt động 15 dãy trại, trung bình mỗi đợt sẽ xuất 1 trại gà (01 ngày chỉ vệ sinh 1 chuồng nuôi), thời gian dọn dẹp vệ sinh và giãn cách là 10 -15 ngày (*thời gian dọn dẹp trại là 4-5 ngày và thời gian*

để thoát trại trước khi nhập lứa mới là 6-7 ngày tiếp theo). Do đó, nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ chăn nuôi hằng ngày khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, sau mỗi lứa xuất gà sẽ tiến hành vệ sinh ngay chuồng trại khoảng $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và nước thải từ hệ thống phun sương sau quạt hút khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Do đó tổng lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong một ngày khoảng: $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (do xuất gà từng chuồng 01 theo dạng cuốn chiếu nên vệ sinh chuồng trại cũng theo dạng cuốn chiếu).

Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng 8 bể lắng lọc 3 ngăn riêng biệt để xử lý nước thải, nước thải sau bể lắng lọc 3 ngăn được chảy về 3 mương sinh học bằng bê tông, phía dưới trong mương có rải các vật liệu lọc nước và chế phẩm men vi sinh, nước thải chăn nuôi đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, sau đó tự chảy về hồ chứa nước thải của trang trại, không xả thải ra môi trường bên ngoài.

Như vậy, với quy mô hoạt động của trang trại theo mô hình trại lạnh khép kín thì lượng nước thải chăn nuôi phát sinh rất ít, chỉ phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại vào cuối mỗi đợt nuôi với lưu lượng phát sinh lớn nhất trong 1 ngày (*bao gồm nước thải vệ sinh chuồng trại, nước thải từ hệ thống phun sương sau quạt hút, nước thải khử trùng quần áo, máng ăn cho gà*) là: $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ cộng với nước thải sinh hoạt khoảng $3,625 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ thì tổng lượng nước thải cao nhất trong một ngày tại trang trại là $8,125 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, với lưu lượng nước thải phát sinh rất ít và không thải ra môi trường xung quanh nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường.

2.2. Đối với môi trường không khí

Với đặc thù của cơ sở là chăn nuôi gà nên trong quá trình chăn nuôi sẽ phát sinh khí thải và mùi hôi, khí thải phát sinh trong khu vực trại nuôi gà chủ yếu là các khí thải gây mùi hôi như H_2S , NH_3 và các chất gây mùi hôi thối như mercaptan,... từ quá trình phân giải các chất như protein, lipid,.. trong chất thải chăn nuôi bởi các vi sinh vật kỵ khí. Mùi hôi phát sinh từ hệ thống quạt hút trao đổi không khí phía trong và bên ngoài các dãy trại nuôi nhằm thông thoáng môi trường không khí phía trong trại nuôi gà. Quá trình hút, trao đổi không khí sẽ hút thải không khí ô nhiễm (mùi hôi) phía trong trại nuôi ra bên ngoài. Mùi hôi có thể theo gió phân tán gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực và khu vực phía bên ngoài trang trại.

Trang trại áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín và tự động kiểm soát nguồn thức ăn, nước uống nên có thể hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng. Chủ cơ sở bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi. Phía sau mỗi dãy trại sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút (9 quạt hút/ trại). Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi, chủ cơ sở bố trí dàn phun chế phẩm khử mùi EM để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

Đồng thời, vị trí thực hiện nằm trong khu vực đất trồng cây hằng năm và được bao bọc xung quanh bởi cây cao su. Do đó, từ giai đoạn thi công cho đến giai đoạn đi vào vận hành chính thức hiện nay thì khả năng phát tán bụi, khí thải, mùi hôi đến môi trường

xung quanh là được giảm thiểu đi rất nhiều. Chủ cơ sở đã có các biện pháp giảm thiểu các tác động có hại đến môi trường xung quanh.

Kết luận: Từ các phân tích về các nguồn phát sinh chất thải nêu trên, cho thấy Trại chăn nuôi gà thịt theo công nghệ trại lạnh khép kín, quy mô chăn nuôi 255.000 con/lứa với tổng diện tích 90.000 m² tại Ấp 04, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh” phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

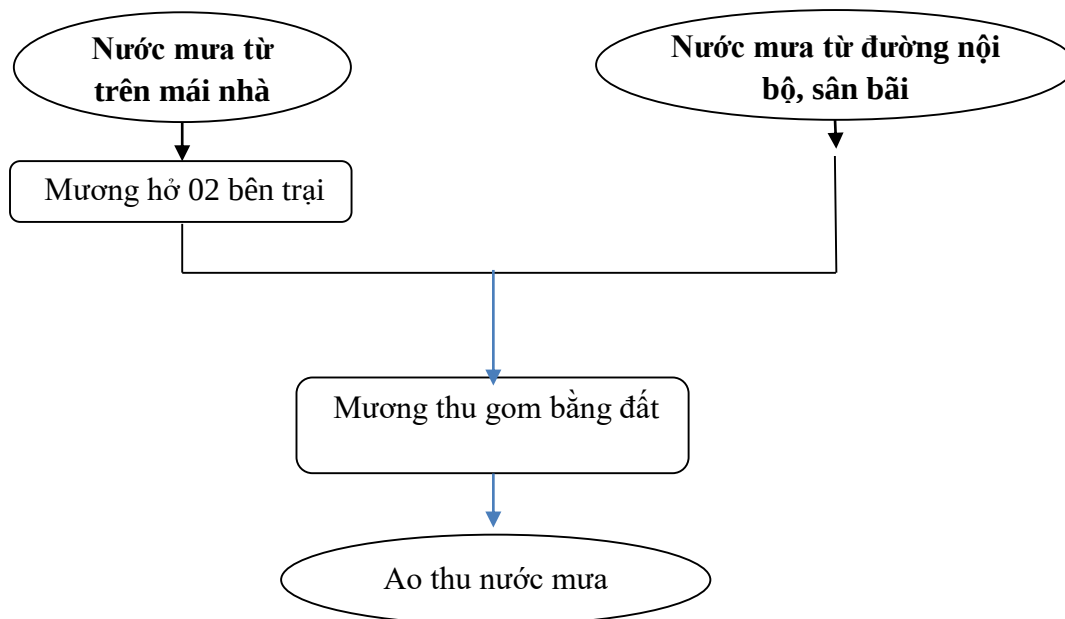
Nước mưa chảy tràn trên mặt đường trong khu vực cơ sở có lưu lượng phụ thuộc vào chế độ mưa trong khu vực. Lượng nước mưa này thường có nồng độ chất lơ lửng tương đối cao. Tuy nhiên, mức độ gây ô nhiễm từ lượng nước này không nhiều, ngoài ra mặt bằng tại trang trại đã được bê tông hóa và có hệ thống rãnh thoát nước mưa dọc theo hai bên trại nuôi.

- Nước mưa từ trên mái của các trại nuôi sẽ được thu gom bằng hệ thống mương hở, do lượng nước mưa chảy tràn có hàm lượng chất ô nhiễm không đáng kể.
- Rác và bùn cát đất lắng được nạo vét thường xuyên.
- Xung quanh các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi bố trí các mương đất để thu gom nước mưa về ao chứa, không để nước mưa chảy tràn vào khu vực xử lý nước thải.
- Nước mưa được thu gom về 2 ao chứa nước mưa bằng đất diện tích 1.790m² để phục vụ tưới cây trong khuôn viên trang trại.
- Hệ thống thu gom nước mưa tại trang trại được bố trí bao gồm:
 - + Thu gom, thoát nước mưa từ mái chuồng: Nước mưa theo độ dốc mái → mương hở bê tông rộng 50cm, sâu 40 cm, dài 100,2m, 01 trại gồm 02 mương hở 02 bên → mương thu bằng bê tông rộng 1 m, dài 250m, sâu 1,4m, độ dốc 2-5% → theo mương đất → chảy về ao thu nước mưa (bằng đất).

+ Thu gom, thoát nước mưa bề mặt:

- ✓ Kết cấu mương thoát nước mưa: mương đất hở (mương thu gom)
- ✓ Kích thước mương hở: bề rộng B= 1 m; độ sâu H = 1,4m; độ dốc i= 2-5%
- ✓ Số lượng vị trí điểm đầu nổi nước mưa: 02 điểm đầu nổi nước mưa vào 2 ao thu nước mưa.
- ✓ Quy trình vận hành: nước mưa từ mái nhà được thu gom theo mương hở đặt 02 bên của dãy trại nuôi, nước mưa chảy tràn trên bề mặt trong khuôn viên trang trại được thu gom theo độ dốc công trình chảy về mương thu gom đặt phía cuối của các dãy trại, sau đó tự chảy theo độ dốc vào mương đất dẫn về ao thu nước mưa (bằng đất).

Quá trình thu gom và tiêu thoát nước mưa chảy tràn tại trang trại được thể hiện trong sơ đồ:



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa



Hình 3.2 Ao thu nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước thải:

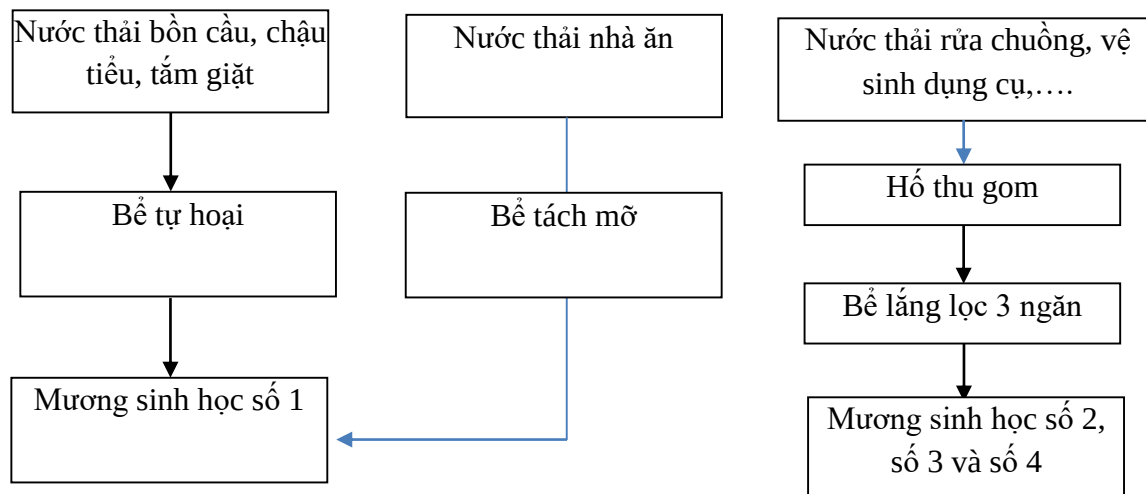
+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại các khu vực: văn phòng, nhà nghỉ công nhân được thu gom về bể tự hoại (số lượng: 01 bể thể tích 24 m^3) được xử lý sơ bộ sau đó chảy ra hệ thống thu gom (ống nhựa uPVC $\Phi 60$ dài 6m) dẫn về mương sinh học số 01 để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn được thu gom về bể tách dầu (số lượng 1 bể tách dầu mỡ có thể tích $1,8 \text{ m}^3$) sau đó chảy vào hệ thống thu gom (ống nhựa uPVC $\Phi 60$, dài 8m) dẫn về mương sinh học số 01 để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi, nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, nước thải sau

hệ thống xử lý khí thải của chuồng nuôi được thu gom về hố thu (bằng bê tông, kích thước 1,2m x 1,2m x 1,5m, cứ mỗi giữa 02 trại sẽ có 04 hố thu) theo đường ống D=114mm, sau đó nước thải chảy về bể lắng lọc 03 ngăn theo đường ống D=144mm, có tổng cộng 8 bể lắng lọc 03 ngăn riêng biệt, kích thước bể lắng lọc 03 ngăn là: 5,0m x 3,5m x 1,5m. Sau đó được dẫn về 3 mương sinh học số 02, 03 và số 04 để xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT, trước khi tự chảy về hồ chứa nước thải của trang trại (chống thấm bằng vật liệu HDPE), không thải ra ngoài môi trường.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của cơ sở được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 3.3: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải

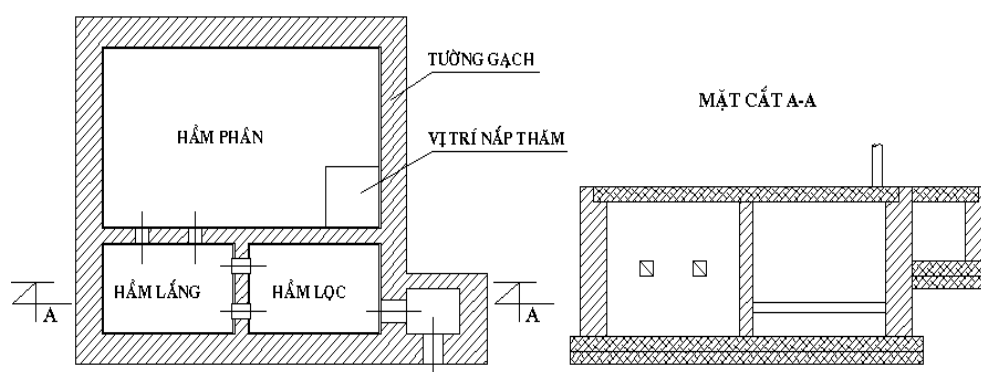
- Điểm xả nước thải sau xử lý:

Toàn bộ nước thải chăn nuôi sau 3 mương sinh học được thu gom bằng đường ống nhựa PVC Φ114 bằng phương thức tự chảy dẫn về 01 hồ chứa nước thải bằng đất lót bạt HDPE có diện tích 140 m² để lưu chứa, không xả ra môi trường bên ngoài. Tọa độ vị trí hồ chứa nước thải X= 1277 543; Y= 590 051 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰30' múi chiều 3⁰).

1.3. Xử lý nước thải:

a. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Chủ cơ sở đã xây dựng 01 bể tự hoại ba ngăn để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh, bể tự hoại có thể tích là 24 m³ (L x W x H = 4.000 x 3.000 x 2.000mm). Vị trí xây dựng gần khu văn phòng + nhà nghỉ công nhân. Cấu tạo bể tự hoại được trình bày trong hình sau:

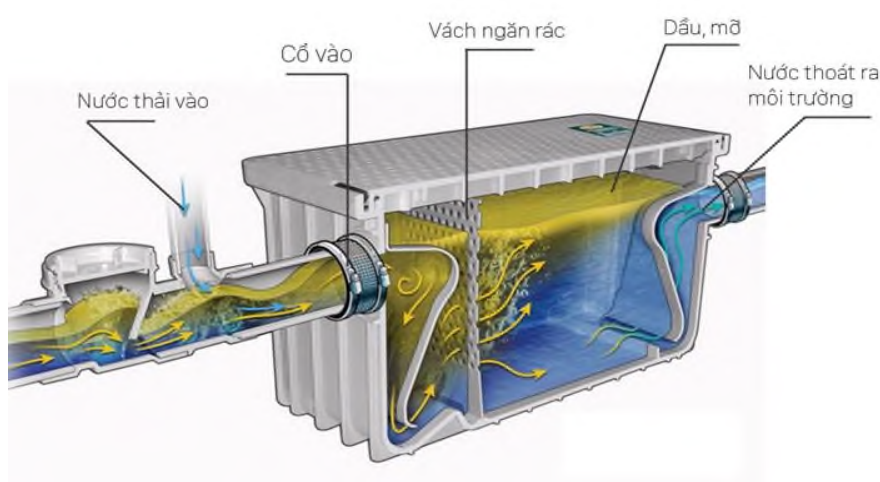


Hình 3.4: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại có 3 ngăn có hình khối chữ nhật là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Bể còn có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Bể có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90%, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua bể tự hoại nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 - 30% riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD₅, COD và SS giảm đáng kể. Hiệu suất xử lý nước thải sau khi qua bể tự hoại: BOD₅ đạt 71 – 85%, hàm lượng chất lơ lửng SS đạt >75%, COD đạt 75 – 90%, TSS đạt 75 – 95%. Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể được đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định. Nước thải sau bể tự hoại chảy ra hệ thống thu gom (ống nhựa uPVC $\varnothing 60$, dài 6m) dẫn về mương sinh học số 01 để tiếp tục xử lý.

Đồng thời, Công ty đã xây dựng 01 bể tách mỡ để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải nấu ăn từ nhà ăn của trang trại. Bể tách mỡ có thể tích 4,0 m³, kích thước L x W x H = 2,0 x 2,0 x 1,0m.



Hình 3.5 Sơ đồ cấu tạo bể tách mỡ

Nguyên lý hoạt động của bể tách mỡ: Nước thải từ nhà ăn, bếp nấu của trang trại chứa một lượng dầu, mỡ tương đối lớn sẽ được đưa vào ngăn chứa thứ nhất thông qua lưới lọc rác được thiết kế bên trong, cho phép giữ lại các chất bẩn như các loại thực phẩm, đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác,... có trong nước thải. Chức năng này giúp cho bể tách mỡ làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác. Sau đó nước thải đi sang ngăn lọc mỡ, ở đây thời gian lưu dài đủ để mỡ, dầu nổi lên mặt nước. Còn phần nước trong sau khi mỡ và dầu đã tách ra lại tiếp tục đi xuống đáy bể. Lớp dầu mỡ tích tụ tạo lớp váng trên bề mặt nước, định kỳ Cơ sở xả van để thu gom và giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Hiệu suất xử lý nước thải nấu ăn bằng bể tách dầu mỡ: lượng dầu mỡ sẽ được xử lý khoảng 90 – 95%, lượng BOD và COD giảm 30 – 40%. Nước thải sau bể tách dầu mỡ chảy vào hệ thống thu gom (ống nhựa uPVC $\phi 60$, dài 8m) dẫn về mương sinh học số 01 để tiếp tục xử lý.

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải nấu ăn sau bể tách dầu được chảy về mương sinh học số 01, kích thước là 6m x 9m x 1,5m, phía trên phủ 1 lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải thiện môi trường nước, xung quanh mương sinh học sẽ trồng các cây xanh và cây ăn quả, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K = 1,2 cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, không xả nước thải ra môi trường.

b. Công trình xử lý nước thải chăn nuôi

Chủ cơ sở đã xây dựng 8 bể lắng lọc 3 ngăn và 3 mương sinh học để thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi như sau:

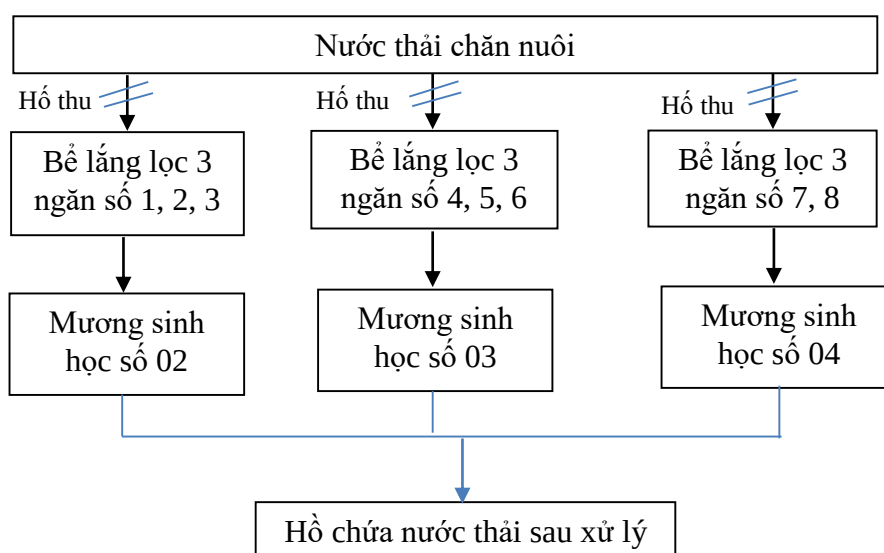
- Nước thải chăn nuôi thoát từ bên trong trại theo đường ống $d = 114\text{mm}$ → chảy về hố thu kích thước 1,2m x 1,2m x 1,5m, cứ mỗi giữa 02 trại sẽ có 04 hố thu → tự chảy về bể lắng lọc 3 ngăn theo ống nhựa $d=114\text{mm}$.

+ Nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng nuôi số 1 và 2 thu gom về bể lắng lọc 3 ngăn số 1, chuồng nuôi số 3 và 4 thu gom về bể lắng lọc 3 ngăn số 2, chuồng nuôi số 5 và 6 thu gom về bể lắng lọc 3 ngăn số 3, sau đó dẫn về mương sinh học số 02.

+ Nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng nuôi số 7 và 8 thu gom về bể lắng lọc 3 ngăn số 4, chuồng nuôi số 9 và 10 thu gom về bể lắng lọc 3 ngăn số 5, chuồng nuôi số 11, 12 thu gom về bể lắng lọc 3 ngăn số 6 sau đó dẫn về mương sinh học số 03.

+ Nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng nuôi số 13 và 14 thu gom về bể lắng lọc 3 ngăn số 7, chuồng nuôi số 15 thu gom về bể lắng lọc 3 ngăn số 8 sau đó dẫn về mương sinh học số 04.

Cấu trúc hệ thống xử lý nước thải như sau:



Hình 3.7: Sơ đồ thu gom nước thải và xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình:

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của cơ sở không đều mà chỉ tập trung chủ yếu trong thời gian vệ sinh chuồng trại khoảng 45 ngày/lần (khi trại xuất bán gà) để chuẩn bị nuôi lứa mới. Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa chuồng nuôi cuốn theo phân và lượng trấu còn sót lại trên nền chuồng. Mỗi ngày trang trại xuất 1 dãy chuồng và tiến hành vệ sinh ngay nên lượng nước thải phát sinh là 2 m³/đợt vệ sinh/chuồng nuôi.

Nước thải từ quá trình xịt rửa nền tại 15 dãy chuồng gà sẽ được thu gom theo độ dốc chảy về hố thu đặt gần khu vực nhà chứa chất thải. Sau đó nước thải được chảy về bể lắng lọc 3 ngăn.

Nước thải chăn nuôi tại trang trại được phát sinh từ 03 nguồn chính là nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại, nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, nước từ hệ thống xử lý khí thải. Chủ cơ sở đã xây dựng 08 bể lắng lọc 3 ngăn riêng biệt cho 15 dãy chuồng nuôi.

Nước thải phát sinh sẽ chảy qua 08 bể lắng lọc 3 ngăn (kết cấu bê tông, kích thước mỗi bể là 5m x 3,5m x 1,5m), dưới đáy bể lắng lọc 3 ngăn có lót một lớp sỏi. Nước thải sau bể lắng lọc 3 ngăn số 1, 2, 3 tự chảy về mương sinh học số 02 bằng đường ống nhựa D=114mm, nước thải sau bể lắng lọc 3 ngăn số 4, 5, 6 tự chảy về mương sinh học số 03 bằng đường ống nhựa D=114mm và nước thải sau bể lắng lọc 3 ngăn số 7, 8 tự chảy về mương sinh học số 04 bằng đường ống nhựa D=114mm để tiếp tục xử lý.

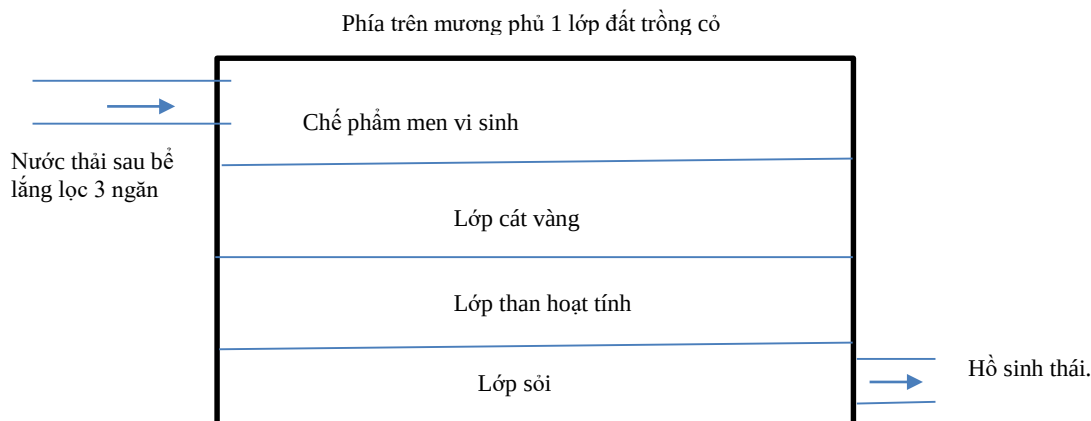
Nước thải sẽ tiếp tục được xử lý tại 03 mương sinh học số 02, số 03 và số 04 bằng bê tông (kích thước 7m x 7m x 3m), phía trên phủ 1 lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than và chế phẩm men vi sinh để cải thiện môi trường nước, xung quanh mương sinh học sẽ trồng các cây xanh và cây ăn quả. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, sau đó tự chảy về hồ chứa

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

nước thải của trang trại, không xả nước thải ra môi trường. Tọa độ hồ chứa nước thải X= 1277 543; Y= 590 051 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰30' múi chiều 3⁰).

Định kỳ 1 năm 1 lần chủ cơ sở sẽ tổ chức nạo vét các bể lắng lọc, các mương sinh học của nước thải chăn nuôi, bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét sẽ ký hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng để mang đi xử lý.

Cấu tạo mương sinh học và các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải trang trại:



Bảng 3.1. Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi

STT	Hạng mục	Số lượng	Quy cách
1	Hố thu nước thải	24 hố	- Xây dựng dạng hố chìm, kích thước 1,2m x 1,2m x 1,5m. - Vật liệu: bê tông cốt thép
2	Bể lắng lọc 3 ngăn	8	- Xây dựng dạng bể chìm, kích thước 5m x 3,5m x 1,5m. - Vật liệu: bê tông cốt thép
3	Mương sinh học số 02, 03 và 04	3	- Xây dựng dạng mương chìm; mỗi mương kích thước 7m x 7m x 13m. - Vật liệu: mương tông cốt thép
4	Hồ chứa nước thải	1	- Xây dựng dạng hồ chìm; kích thước 7m x 20m x 4,5m. - Vật liệu: hồ đất, lót bạt HDPE

Danh mục hóa chất sử dụng

Bảng 3.2: Danh mục hóa chất sử dụng

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Chế phẩm men vi sinh	Kg/năm	150	Việt Nam
2	Vật liệu lọc	Kg/năm	100	Việt Nam

Hình ảnh hiện trạng công trình xử lý nước thải



Hình 3.8: Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải

- + Bụi do các phương tiện vận chuyển trong khuôn viên trang trại được khắc phục bằng cách tưới nước sân đường nội bộ;
- + Bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào Trang trại một cách hợp lý, tránh cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển vào khuôn viên.
- + Thường xuyên vệ sinh khu vực xung quanh trang trại, đường đi;
- + Trồng cây xanh toàn bộ ở trục đường chính của trang trại, trên vỉa hè và những khu vực khoảng lùi để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của ô nhiễm không khí.
- + Không nổ máy quá lâu trong khu vực trang trại, không chờ quá tải

+ Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng. Kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.

- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình chăn nuôi

Mùi phát sinh từ khu vực trang trại bao gồm khí NH_3 , H_2S . Để hạn chế sự phát sinh khí NH_3 , H_2S đến mức thấp nhất có thể được, chủ trang trại phải đã áp dụng các biện pháp sau:

+ Trang trại áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín và tự động kiểm soát nguồn thức ăn, nước uống nên có thể hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng.

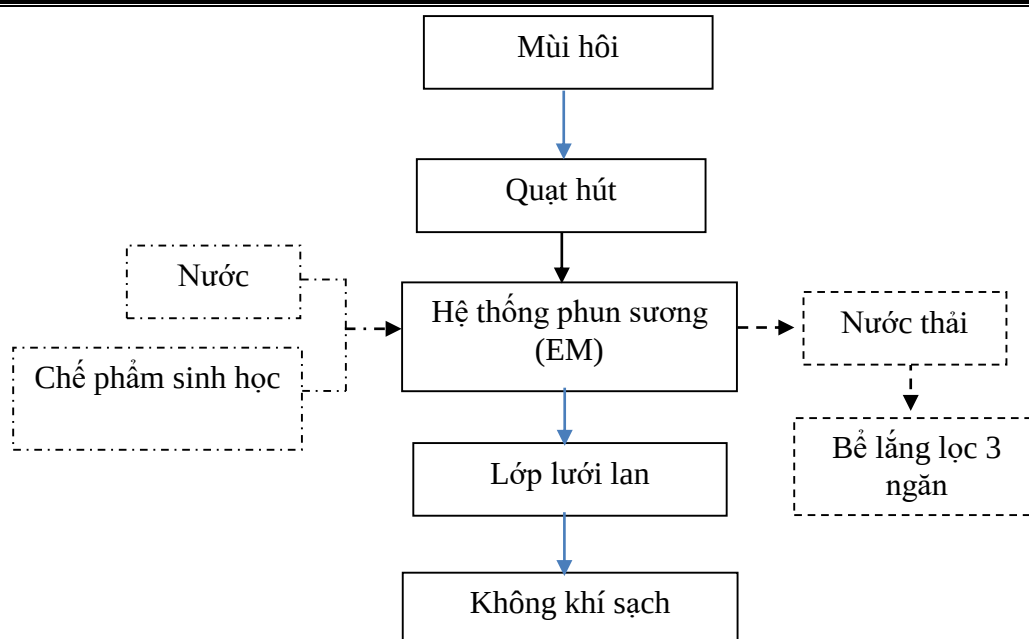
+ Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy trại sẽ được lắp đặt 9 quạt hút/01 dãy chuồng, lắp đặt 135 quạt hút cho 15 dãy chuồng nuôi (công suất 1 quạt hút là 44.800 m^3/h), tổng cộng trang bị 135 quạt hút.

Thông số cơ bản quạt hút:

- Model: EM 50, quạt hộp, 6 cánh bằng kim loại
- Công suất: 1.5HP, 3 pha, 400V, 50Hz
- Kích thước: 1380 x 1380mm
- Đường kính cánh: 1270mm
- Trọng lượng: 86 kg
- Vỏ quạt: làm bằng vật liệu kẽm có độ dày từ 0.8-1.2 mm.
- Cánh quạt: làm bằng vật liệu inox 430
- Tốc độ vòng quay (0 Pa – 0 in H_2O): 427 RPM
- Tốc độ gió (0 Pa – 0 in H_2O): 44.800 m^3/h – 50Pa

Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi, chủ cơ sở bố trí hệ thống thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút.

Sơ đồ hệ thống xử lý mùi hôi tại trại chăn nuôi như sau:



Hình 3.9: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải và mùi hôi tại trang trại

Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi. Phía sau hệ thống quạt hút được thiết kế lớp lưới bao quanh khu vực quạt hút. Không khí từ bên trong mỗi trại nuôi được hệ thống quạt hút đẩy ra bên ngoài, tại đây không có (có ô nhiễm mùi) được xử lý bằng chế phẩm sinh học khử mùi (sử dụng vòi phun sương phun chế phẩm khử mùi theo hướng từ trên xuống), quạt hút đẩy không khí từ trong trại nuôi ra gặp lớp lưới sẽ đẩy không khí lên trên gặp chế phẩm sinh học khử mùi phun từ trên xuống được xử lý. Nước thải từ hệ thống phun sương được thu gom, chảy theo hệ thống mương dẫn, dẫn đến bể lắng lọc 3 ngăn để xử lý.

Ngoài ra chủ cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu mùi hôi, khí thải trong quá trình chăn nuôi như sau:

- + Phun thuốc sát trùng xung quanh trại chăn nuôi định kỳ 01 lần/tuần.
- + Trang trại luôn được đảm bảo khô thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp nên giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình phân giải chất thải trong khu vực trại nuôi.
- + Bổ sung thêm men vi sinh trộn vào thức ăn cho gà để phân gà thải ra giảm thiểu được mùi hôi và quá trình phân hủy tốt hơn.
- + Xịt chế phẩm EM theo các đường mương dẫn chất thải ngày 1 lần để giảm thiểu mùi hôi. Phun thuốc sát trùng xung quanh trại chăn nuôi định kỳ 01 lần/tuần
- + Xây dựng tường rào bao quanh trang trại;
- + Thường xuyên phun nước giảm bụi trên tuyến đường nội bộ ra vào trại vào những ngày nắng nóng.
- + Thường xuyên dọn dẹp trại nuôi không gây phát sinh mùi hôi.
- + Đảm bảo cung cấp đủ lượng rác hữu cơ hoặc trấu để giúp gắn kết nitơ và ngăn chặn amoniac thoát ra ngoài.

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ máy phát điện:

Để đảm bảo về mặt môi trường, chủ cơ sở chủ động lựa chọn các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh và carbon thấp để sử dụng cho máy phát điện. Cụ thể như:

- + Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu sử dụng không vượt quá 1%;
- + Hàm lượng carbon không vượt quá 76%;

Với tiêu chí như trên thì trang trại sử dụng dầu DO có bổ sung một số chất phụ gia giúp hạn chế nguồn ô nhiễm từ hoạt động của máy phát điện. Bên cạnh đó, để giảm thiểu đến mức thấp nhất các hoạt động từ khí thải phát sinh khi máy phát điện hoạt động, chủ cơ sở sẽ lắp đặt thêm ống khói để chủ động phát tán lượng khí thải phát sinh này (công dụng của ống khói là nâng cao điểm phát tán của dòng khói thải, qua đó nâng cao tốc độ phát tán cũng như phạm vi phát tán của dòng khí này). Dưới sự xáo trộn mạnh của dòng khí thải trên cao và dòng khí được lan truyền xa hơn, nồng độ khí thải tại khu vực gần trang trại trở nên vô cùng loãng.

Định mức tiêu thụ nhiên liệu của 01 máy phát điện dự phòng 400KVA trung bình là 86 lít dầu DO/giờ.máy, tương đương 77,4 kg/giờ.máy (tỷ trọng dầu DO khoảng 0,9 kg/lít). Lượng khí thải phát sinh khoảng 2.190 m³/máy.giờ (lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu DO khoảng 28,3 m³/kg). Ống khói máy phát điện có đường kính 200mm kèm dây cách nhiệt dày 5mm, chiều cao ống khói 4m so với mặt đất.

Việc lựa chọn hình thức phát tán này là hoàn toàn hợp lý do đây là nguồn thải không thường xuyên và có lưu lượng khí thải thoát ra rất nhỏ. Khí thải sau máy phát điện dự phòng đáp ứng đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Giảm thiểu mùi hôi từ nhà chứa phân và mương sinh học

Để giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ nhà chứa phân, công ty đã thực hiện biện pháp giảm thiểu sau:

+ Thường xuyên làm sạch phần nền trong và xung quanh khu vực nhà chứa phân, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm trong nhà kho chứa phân.

+ Phun chế phẩm EM xung quanh khu vực nhà chứa phân (tần suất 3 ngày/lần) để giảm thiểu mùi hôi. Giữ không khí trong dãy trại thoáng mát giúp phân tán mùi hôi. Phân không được lưu chứa lâu để tránh ảnh hưởng mùi hôi đến môi trường không khí xung quanh.

+ Nhà chứa phân được thiết kế xây dựng đúng quy định, nền cao ít nhất 30cm, có mái che, có cửa ra vào, bố trí rãnh thoát nước xung quanh. Bên trong nhà chứa phân lắp đặt quạt thông gió để làm thông thoáng khí.

+ Phân gà lẫn cùng trấu lót sau mỗi lứa nuôi được công nhân thu gom và tập kết vào nhà chứa phân, sau đó sẽ bán cho các hộ dân lân cận hoặc đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

Để giảm thiểu mùi hôi từ mương sinh học trong quá trình xử lý nước thải chăn nuôi thì chủ cơ sở sẽ sử dụng các chế phẩm khử mùi hôi, bổ sung các loại bèo, tảo để cải thiện môi trường nước.

- Giảm thiểu khí thải và mùi hôi từ việc tiêu hủy xác gà chết

Số lượng gà chết trong quá trình hoạt động tại trang trại (chết do giẫm đạp) là 0,5% trên 1 lứa nuôi khoảng 1275 con, được thu gom và đem đi xử lý hợp vệ sinh tại hầm chôn lấp bê tông có nắp đậy kín theo đúng quy định theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

Địa điểm hố chôn lấp xác gà đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh, ở cuối khu nuôi và cuối hướng gió chính, không ở vùng ngập nước hoặc có mực nước ngầm nông. Chủ cơ sở xây dựng 2 hố chôn xác gà, mỗi hố có chiều rộng 3m, chiều dài 9m, chiều sâu 1,5 m. Xây hố chôn bằng bê tông, phía dưới có lớp đệm và thoát nước; không rải vôi chỉ rải chất đệm trại và men vi sinh, vôi chỉ rải trên tấm đan bề mặt. Tại đáy hầm chứa có rãnh thu nước rỉ xác với độ dốc $i = 2\%$, nước rỉ xác sẽ được thu gom, lưu chứa tại hố thu gom với chiều rộng 0,4m, chiều dài 0,4m, sâu 0,8m, vật liệu bê tông, phía trên có nắp đậy kín không cho nước mưa vào, có lắp van khóa uPVC 90. Khi hố thu gom đầy, sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý.

Khi phát sinh gà chết không phải do bệnh tật, xác gà được đưa xuống hố chôn, rắc vôi bột khử trùng ($0,8 - 1,0 \text{ kg/m}^2$) và đậy nắp bê tông kín miệng hầm. Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo rãnh rộng 20 cm, sâu 20 cm dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm chứa. Trên bề mặt khu vực hố chôn, rắc vôi bột với lượng $0,8 \text{ kg/m}^2$. Khu vực hố chôn xác gà được kiểm tra thường xuyên 1 tuần/lần.

Thời gian phân hủy: Hố chôn này chủ yếu là phân hủy gà con có kích thước và trọng lượng nhỏ nên thời gian phân hủy diễn ra nhanh khoảng 2 tháng.

Phương án thu gom khí theo cơ chế xử lý bằng vôi:

Khí thải từ quá trình phân hủy tại 02 hố chôn xác gà chết không phải do dịch bệnh sẽ được thu gom bằng đường ống nhựa đục lỗ Ø34, sau đó sẽ được đầu nối vào thiết bị hấp thụ khí vật liệu hấp phụ là vôi cục (khối lượng vôi cục khoảng 30kg).

Tại đây, vôi cục có nhiệm vụ hấp phụ và khử trùng khí độc trước khi phát tán tự nhiên ra môi trường xung quanh. Đồng thời mùi hôi từ khí thải sẽ được giảm đáng kể và không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh. Vôi cục được thay thế với tần suất 1 lần/năm. Sau khi thay thế, vôi cục này sẽ được rải trực tiếp vào hố chôn nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh và khử trùng dịch bệnh.

- Giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi từ phun thuốc khử trùng, sát khuẩn

Đối với mùi hôi của thuốc phát sinh từ kho chứa thuốc, từ quá trình sử dụng thuốc khử trùng Formol. Trang trại thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Kho chứa thuốc được xây dựng riêng tách biệt, vững chắc bằng vật liệu tốt;

- + Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản thuốc an toàn tại trang trại;
- + Lắp đặt các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn tại khu vực kho chứa thuốc;
- + Trang bị bảo hộ lao động khi pha chế và phun thuốc. Sau khi phun thuốc phải thay quần áo và giặt sạch.
- + Không sử dụng bình phun bị rò rỉ và rửa sạch bình sau khi phun thuốc.
- + Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả bộ phận của cơ thể.

- Biện pháp giảm thiểu ruồi, muỗi

- + Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy trại nuôi, cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.
- + Xử lý ngay xác những con vật chết ngay trong ngày, vì đây là môi trường dễ ruồi phát triển.
- + Sử dụng biện pháp hóa học bằng cách phun thuốc diệt côn trùng ở các vách.
- + Trường hợp trâu lột lẫn phân gà sau khi kết thúc mỗi lứa nuôi xuất bán không kịp, chủ cơ sở để vào kho chứa có mái che và phun chế phẩm khử mùi EM, đồng thời bán cho đơn vị khác có nhu cầu làm phân bón. Không để ứ đọng làm thu hút các loại côn trùng gây hại và phát sinh mùi hôi đến môi trường xung quanh.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Công ty đã bố trí 3 khu vực chứa rác thải riêng biệt gồm: khu vực chứa rác thải sinh hoạt diện tích 23,76 m², nhà chứa phân gà và trâu diện tích 68,04 m² và kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 23,76 m².

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng 12,5 kg/ngày, chủ cơ sở sẽ bố trí các thùng rác loại 10 – 20 lít tại các khu vực cố định trong khu vực trang trại để thu gom rác vào 2 thùng rác nhựa 240 lít có nắp đậy tại khu vực tập trung CTR sinh hoạt của trang trại.

Chất thải rắn sẽ được thu gom trong từng hạng mục công trình và được công nhân vận chuyển về điểm tập kết chất thải của trang trại. Tại điểm tập kết chất thải, các thành phần chất thải có thể tái sử dụng như giấy vụn, kim loại, chai nhựa... sẽ được thu gom và bán phế liệu.

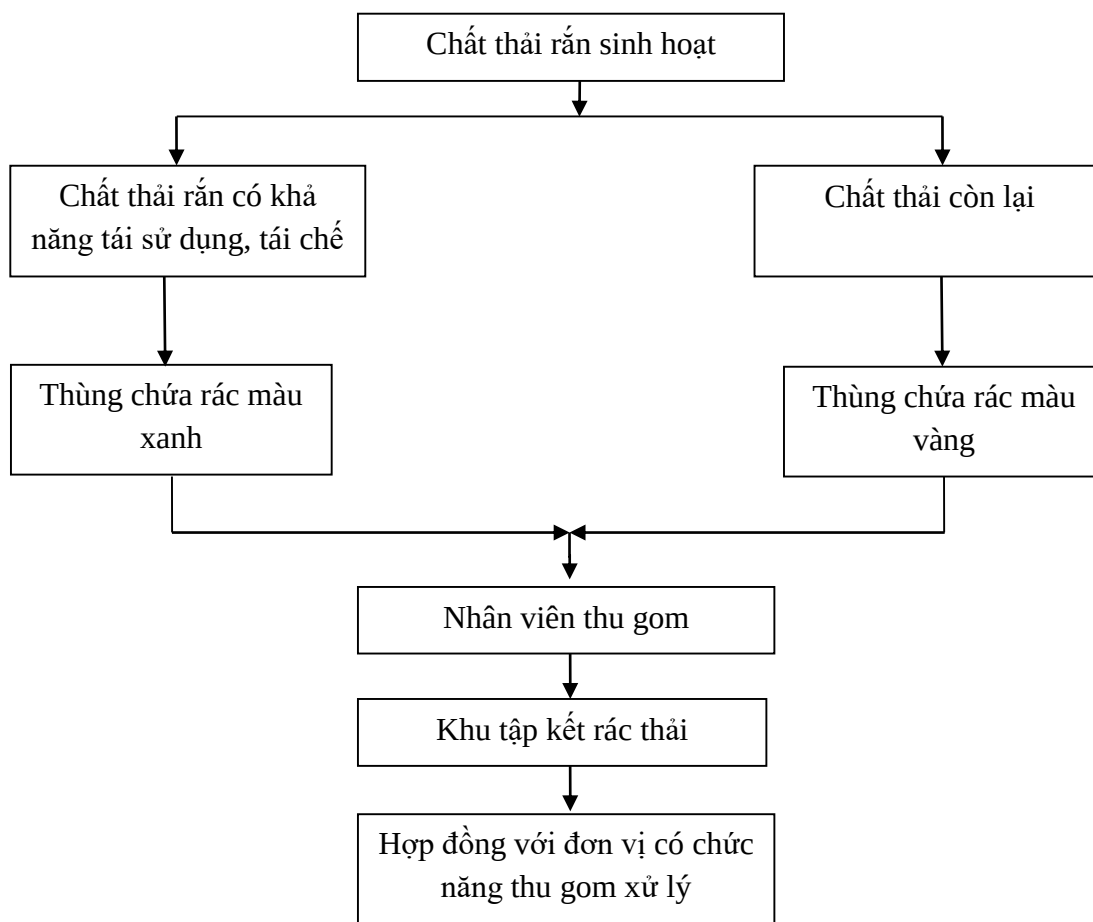
❖ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tập trung:

- Thiết bị lưu chứa:
 - + Thùng rác dung tích 60 lít và 240 lít.
 - + Số lượng: 4 thùng (2 thùng 60 lít và 2 thùng 240 lít).
 - + Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

- + Dung tích thùng lưu chứa hữu dụng tại khu vực kho: <150 lít/thùng.
- Khu vực lưu chứa (kho lưu chứa):
 - + Khu vực chứa rác tập trung: diện tích 23,76 m².
 - + Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, thùng chứa kín đảm bảo không rò rỉ nước ra bên ngoài, có dán biển chất thải sinh hoạt.
- Vị trí: gần hàng rào cuối trang trại

❖ **Về phương thức thu gom**

Mỗi ngày vào các giờ cố định (16 giờ hằng ngày), các nhân viên sẽ thu gom bằng thùng rác đầy tay loại 240 lít (bằng vật liệu nhựa hoặc composite, có thân và đáy thùng kín, có bánh xe để di chuyển bằng tay) để thu gom rác đã được phân loại vận chuyển xuống khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt phía sau trang trại với diện tích khoảng 23,76m², nền được trát xi măng. Chất thải rắn được công nhân phân loại một lần nữa để lưu trữ, sau đó được đơn vị thu gom rác tại địa phương đến thu gom và vận chuyển đi xử lý tần suất 3 ngày/1 lần.



Hình 3.10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt



Hình 3.11: Nhà chứa rác sinh hoạt

- Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn không nguy hại)

- Đối với phân gà lẫn trấu:

+ Đối với phân gà và trấu sau mỗi đợt nuôi phát sinh khoảng 1.103,2 tấn/lứa nuôi được công nhân thu gom, đảo trộn và phun chế phẩm sinh học EM thường xuyên để hạn chế mùi, đồng thời trong suốt quá trình chăn nuôi, sử dụng chế phẩm EM vừa để hạn chế mùi vừa có tác dụng giúp quá trình phân hủy phân gà diễn ra nhanh hơn. Nhờ được phun chế phẩm sinh học và đảo trộn thường xuyên, phân và trấu lót sau mỗi lứa nuôi đã được xử lý trở thành phân gà vi sinh hữu cơ và sau mỗi lứa nuôi sẽ hợp đồng bán cho đơn vị thu mua đến thu gom tại chuồng, đóng bao loại 50kg để sử dụng làm phân bón. Trường hợp chưa xuất bán kịp, chủ cơ sở thu gom đưa về nhà chứa phân với diện tích 60,8m² có mái che, lưu chứa tối đa trong vòng 3 ngày và phun chế phẩm EM hạn chế mùi hằng ngày, sau đó xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. (Lưu ý: quá trình vận chuyển chất thải rắn chăn nuôi ra khỏi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng - Theo Điều 59, Mục 2. Xử lý chất thải chăn nuôi, Luật Chăn nuôi). Không để ứ đọng lâu ngày để phát sinh mùi hôi đến môi trường xung quanh.

+ Vị trí nhà chứa phân trong khuôn viên trang trại đặt xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước, khu vực kho thức ăn chăn nuôi theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác.

+ Tương tự, đối với bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom tận dụng để chứa phân gà lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu. Các loại phế liệu được lưu trong khu vực chứa diện tích 23,67 m² và bán cho đơn vị có nhu cầu.

- *Đối với bao bì đựng thức ăn chăn nuôi:* phát sinh khoảng 570 kg/lứa nuôi, sẽ được thu gom tận dụng để chứa phân gà lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu.

- *Đối với gà chết do giã mổ (chết không do dịch bệnh):*

+ Trong hoạt động chăn nuôi, gà chết là điều không tránh khỏi, đặc biệt là gà mới nhập trại. Gà chết chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 0,5% tổng đàn). Tính toán sơ bộ khoảng 1275 con/lứa tương đương 28 con/ngày, trung bình 1 con gà chết nặng 0,3 kg. Khối lượng gà chết khoảng 8,4 kg/ngày tương đương 378 kg/lứa.

+ Trại thường xuyên được khử trùng, gà được tiêm ngừa phòng bệnh định kỳ nên lượng gà chết tương đối ít. Lượng gà chết do giã mổ (không phải do bệnh tật) sẽ được công nhân tại Trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hầm hủy xác có nắp đậy kín.

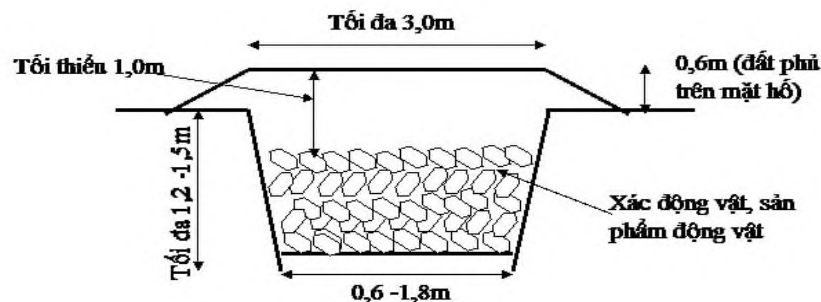
+ Chủ cơ sở xây dựng 2 hố chôn xác gà ở cuối khu đất về phía Tây, mỗi hố có chiều rộng 3m, chiều dài 9m, chiều sâu 1,5 m. Xây hố chôn bằng bê tông, phía dưới có lớp đệm và thoát nước; không rải vôi chỉ rải chất đệm trại và men vi sinh, vôi chỉ rải trên tấm đan bề mặt. Tại đáy hầm chứa có rãnh thu nước rỉ xác với độ dốc $i = 2\%$, nước rỉ xác sẽ được thu gom, lưu chứa tại hố thu gom với chiều rộng 0,4m, chiều dài 0,4m, sâu 0,8m, vật liệu bê tông, phía trên có nắp đậy kín không cho nước mưa vào, có lắp van khóa uPVC 90. Khi hố thu gom đầy, sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định.

+ Khi phát sinh gà chết không phải do bệnh tật, xác gà được đưa xuống hầm chứa, rắc vôi bột khử trùng ($0,8 - 1,0 \text{ kg/m}^2$) và đậy nắp bê tông kín miệng hầm. Phía ngoài khu vực hầm chứa, cách khoảng 1m, tạo rãnh rộng 20 cm, sâu 20 cm dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm chứa. Trên bề mặt khu vực hầm chứa, rắc vôi bột với lượng $0,8 \text{ kg/m}^2$. Khu vực hầm chứa được kiểm tra thường xuyên 1 tuần/lần.

- *Đối với gà chết do dịch bệnh:*

+ Gà chết được thu gom và đem đi tiêu hủy tại chỗ. Việc tiêu hủy càng sớm càng tốt để hạn chế tối đa cơ hội phát tán của mầm bệnh. Việc tiêu hủy gà chết đảm bảo theo đúng quy định tại QCVN 01-41:2011/BNNT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Chủ cơ sở bố trí khu vực đất dự phòng chôn lấp diện tích 2.400 m^2 ở cuối khu đất phía Tây.

+ Về thiết kế hố chôn lấp gà chết: hố chôn được bố trí không ở vùng ngập nước hoặc có mực nước ngầm nông, hố chôn nằm cuối hướng gió chính, chôn gần khu vực nhiều cây xanh để quá trình vô cơ hóa diễn ra nhanh chóng, hạn chế ô nhiễm môi trường. Mô hình mặt cắt hố chôn đảm bảo tiêu chuẩn sau:



+ Các bước tiến hành chôn lấp gà chết do dịch bệnh:

Bước 1. Khi việc đào hố hoàn tất, cho phân rác, chất độn chuồng xuống đáy hố.

Bước 2. Xếp xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu hủy xuống đáy hố

Bước 3. Rải một lớp phân rác lên trên đồng xác.

- Có thể rắc một lớp vôi bột ($0,8 - 1\text{kg/m}^2$) lớp trên cùng đồng xác;
- Tuyệt đối không dùng dầu hay xăng để đốt trước khi lấp đất.

Bước 4. Lấp đất cho bằng miệng hố và nén chặt.

Bước 5. Tiếp tục

- Đắp thêm đất ở trên miệng hố theo hình chóp cụt với chiều cao khoảng $0,6 - 1\text{m}$ và rộng ra xung quanh miệng hố $0,3 - 0,4\text{m}$ để tránh nước mưa chảy vào hố chôn.
- Có thể dùng nước để làm ẩm lớp đất phía trên cho dễ thao tác.
- Trọng lượng của khối đất phía trên có tác dụng ngăn chặn thú ăn thịt đào xác và giúp cho việc khử mùi, hấp thụ nước bẩn tạo ra do phân hủy.

Bước 6. Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m , tạo một rãnh nước với kích thước: rộng $20 - 30\text{cm}$ và sâu $20 - 25\text{ cm}$, có tác dụng dẫn nước mưa ra thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố chôn.

Bước 7. Trên bề mặt hố chôn, rắc vôi bột với lượng $0,8\text{kg/m}^2$, hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2% , với lượng $0,2 - 0,25\text{ lít/m}^2$ để diệt mầm bệnh phát tán trong quá trình thao tác.

Bước 8. Sau khi hoàn tất việc chôn, phải đặt biển cảnh báo khu vực chôn lấp, cử người quản lý hố chôn trong $1-2$ ngày đầu để tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm, hạn chế sự qua lại của người hay vật nuôi quanh khu vực chôn lấp.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động trung bình khoảng 510 kg/năm

Bảng 3.3. Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của trang trại

STT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	10	16 01 06	Rắn
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra CTNH) thải (chai lọ, vaccin sau khi tiêm)	400	18 01 03	Rắn
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	40	13 02 01	Rắn
4	Gia cầm chết (do dịch bệnh)	Không xác định	14 02 01	Rắn
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	45	18 02 01	Rắn
6	Pin, ắc quy chì thải	15	08 02 04	Rắn
Tổng số lượng		510		

Nguồn: Công Ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh

❖ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa:
 - + Thùng dung tích 120 lít, đảm bảo không hư hỏng, rò rỉ, kết cấu cứng chịu được va chạm, biến dạng trong quá trình sử dụng.
 - + Số lượng: 5 thùng
 - + Dung tích lưu chứa hữu dụng: <100 lít/thùng.
 - + Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, phuy sắt.
 - + Bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Khu vực lưu chứa (kho lưu chứa):
 - + Kho lưu chứa: 01 kho, diện tích 23,67m².
 - + Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền đá bê tông kín khít, có gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trần là BTCT kiên cố, cách nhiệt nên che kín nắng, mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, có trang bị thiết bị PCCC, có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

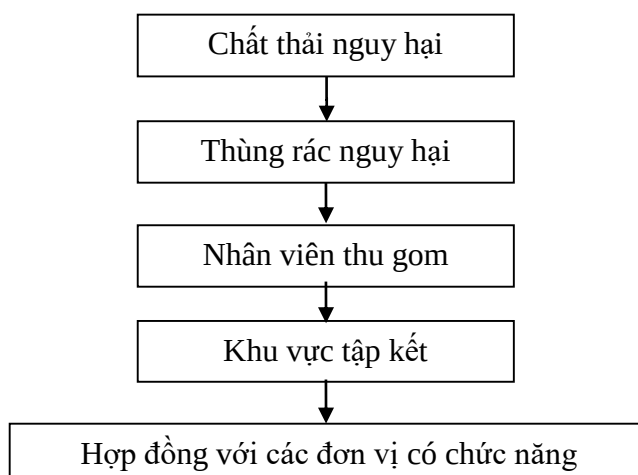
và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Vị trí: 01 kho gần hàng rào phía Bắc trang trại
- Kí hợp đồng thu gom chất thải nguy hại với Công ty CP Môi trường Xanh VN theo hợp đồng số VP294/24/HĐXLTN-NTA ngày 25/07/2024.

❖ **Về phương thức thu gom:**

Tất cả các loại chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại sẽ được nhân viên thu gom phân loại, dán nhãn cảnh báo, dán nhãn thông báo lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy trước khi được đưa vào kho chứa.

Dưới đây là quy trình thu gom chất thải nguy hại của trang trại:



Hình 3.12: Quy trình thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại



Hình 3.13: Khu vực chứa chất thải nguy hại

Đối với gà chết do bệnh tật, dịch bệnh: Khi phát hiện dịch bệnh, chủ trại chăn nuôi áp dụng các biện pháp sau để khắc phục:

- Báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp huyện và tỉnh. Các cơ quan này xuống lấy mẫu xét nghiệm để tìm ra nguyên nhân gây bệnh và đưa ra các biện pháp tiêu hủy, phòng dịch bệnh thích hợp.
- Cách ly gà bị bệnh ra để theo dõi, tổng sát trùng nhằm giảm thiểu dịch bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các gà còn lại nhốt chung trại với gà bị bệnh (sau khi đã cách ly gà bệnh).
- Bố trí khu vực đất dự phòng chôn lấp diện tích 2.400 m² phòng trừ trường hợp tiêu hủy hàng loạt do dịch bệnh lây lan đúng theo QCVN 01-41: 2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động chăn nuôi của trang trại khó kiểm soát. Tuy nhiên, mức độ ồn không quá cao, có thể kiểm soát được. Do đó để giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động do tiếng ồn, rung gây ra. Chủ cơ sở sẽ đặt ra các nội quy về hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng ô tô nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung đến hoạt động của dân cư xung quanh.

+ Quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu nhẹ nhàng, tránh gây ồn
+ Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.

+ Bố trí khu vực nghỉ ngơi riêng cho nhân viên làm việc.

+ Không làm việc gây ồn lớn ngoài giờ hành chính, nhất là vào ban đêm.

- Tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông ra vào trang trại, chủ yếu tập trung vào giờ cao điểm như: buổi sáng khi đi làm và buổi chiều khi ra về, các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn như sau:

+ Thiết kế các điểm giảm tốc để hạn chế tác động lưu thông

+ Đặt các biển báo quy định tốc độ lưu thông trong khu vực.

+ Không cho các xe máy nổ trong lúc chờ bảo dưỡng hoặc bốc xếp nguyên vật liệu

- Tiếng ồn, rung từ hoạt động của các thiết bị sử dụng điện và máy phát điện dự phòng.

+ Thường xuyên kiểm tra độ mài mòn của máy móc thiết bị

+ Tiến hành bôi trơn, châm dầu nhớt bảo dưỡng thiết bị và chi tiết máy.

+ Sử dụng máy phát điện mới và hiện đại

+ Bố trí máy phát điện ở tầng mái của trang trại

+ Máy phát điện dự phòng được định kỳ bảo dưỡng.

+ Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đặt đệm chống ồn ngay khi lắp đặt các máy móc, thiết bị.

+ Để giảm thiểu độ rung của phát điện trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở sẽ đặt các tấm đệm chống rung dưới thân máy, không kê máy phát sát tường nhằm tránh hiện tượng rung cộng hưởng.

- Tiếng ồn từ quá trình chăn nuôi gà

+ Cho gà ăn đầy đủ, đúng giờ để gà không bị đói

+ Trại nuôi gà được bố trí xa khu dân cư, ngoài ra còn được cách ly bằng cây xanh do đó, âm thanh phát ra từ khu vực trại nuôi ảnh hưởng không đáng kể đến khu vực dân cư xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

a. Sự cố dịch bệnh

Sự cố lớn nhất mà trại chăn nuôi gia cầm có thể gặp phải là dịch cúm gia cầm. Trong trường hợp dịch cúm chưa ảnh hưởng đến trang trại thì những biện pháp sau cần được nghiêm ngặt thực hiện:

+ Tăng cường chế độ dinh dưỡng cho gia cầm nhằm tạo sức đề kháng cho cơ thể là mạnh nhất.

+ Thực hiện chế độ khử trùng triệt để đối với các thiết bị và phương tiện ra vào khu vực trang trại.

+ Quy trình tiêm chủng các loại vaccine phải được thực hiện đầy đủ, đúng liều, đúng lượng theo đúng hướng dẫn của bác sĩ thú y.

+ Sát trùng tất cả các loại vật dụng đem vào khu vực chăn nuôi cũng như hạn chế lượt người ra vào khu vực sản xuất đến mức tối đa.

+ Cập nhật thông tin khi ổ dịch lan rộng và tuân thủ mọi hướng dẫn của cơ quan chức năng.

Trường hợp trại chăn nuôi gặp phải sự cố về dịch cúm, chủ cơ sở cần thực hiện theo các hướng dẫn sau:

+ Đối với những bệnh thông thường có thể xử lý được: cách ly ngay khu vực xảy ra bệnh. Tăng cường phun thuốc sát trùng, vệ sinh trang trại và khu vực xung quanh

+ Khi xác định là dịch bệnh nguy hiểm, bệnh lây sang người: Nhanh chóng thực hiện công tác cách ly, tiêu hủy tại chỗ với xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

+ Áp dụng biện pháp cách ly tại chỗ, can thiệp thuốc phòng chống, không bán chạy, không giết mổ làm lây lan dịch ra ngoài. Cán bộ, công nhân làm việc trong khu vực có dịch phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của nhà nước về vùng có dịch.

+ Cán bộ kỹ thuật chăm sóc gà bệnh, sử dụng riêng dụng cụ, thức ăn; hạn chế lưu thông gà; vệ sinh, khử trùng tiêu độc trại, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ thú y, phương tiện vận chuyển... → Đối với dịch bệnh lây lan cần tiêu hủy, xử lý tại chỗ tránh lây lan dịch bệnh tới các khu vực khác.

+ Báo cáo UBND cùng cấp, để thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch đối với khu vực.

+ Đối với đàn gà đã khỏi bệnh (vẫn còn mang vi trùng) để nuôi tại chỗ và sau đó giải thể theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng. Không bán gà cho các trại khác nuôi và không nhận gà mới về trại nuôi khi chưa hết dịch.

+ Phải tổng vệ sinh, sát trùng cẩn thận, chuẩn bị trại nuôi đúng yêu cầu trước khi nhận lứa gà mới về nuôi.

+ Gà chết được thu gom và đem đi tiêu hủy tại chỗ. Việc tiêu hủy càng sớm càng tốt để hạn chế tối đa cơ hội phát tán của mầm bệnh. Khi phát sinh dịch không được vận chuyển gà bệnh ra khỏi trại nuôi. Do đó, tại trang trại đã bố trí đất dự phòng chôn lấp với diện tích 2.400 m² để ứng phó khi dịch bệnh xảy ra. Việc tiêu hủy gà chết đảm bảo theo đúng quy định tại QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

Công tác vệ sinh trang trại, phun thuốc sát trùng và các dụng cụ nuôi

+ Đem tất cả máng ăn máng uống ra ngoài.

+ Lấy sạch hết phân và sau đó là lót nền ra khỏi trại.

+ Rửa sạch trại nuôi, bắt đầu làm từ phần trên (như mái trang trại, rèm che, lưới bao quanh trại nuôi) xuống tới nền trại. Đối với sàn dùng xà phòng bột để đánh và rửa sàn cho thật sạch. Dùng xút (NaOH) để cho trấu bong ra dễ dàng và diệt mầm bệnh cầu trùng với liều lượng 4kg xút (NaOH) hoà tan trong 40 lít nước và phun đều cho diện tích khoảng 100m² mặt nền sau đó khoảng 2h phun nước rửa trại bằng nước sạch.

+ Máng ăn và máng uống phải rửa sạch trước bằng xà phòng, sau đó rửa lại bằng nước lã. Pha nước sát trùng Formol tỷ lệ 2% trong 1 chậu lớn, rồi đem nhúng dụng cụ bao gồm máng ăn, máng uống trong nước sát trùng sau đó cũng rửa sạch thuốc bằng nước lã. Phần lớn dụng cụ chăn nuôi bằng nhựa nên phơi dụng cụ trong bóng mát để dụng cụ bền hơn tránh được sự giòn, gãy.

+ Sử dụng thuốc sát trùng chuyên dùng trong chăn nuôi, bắt đầu phun từ phần trên rồi phun đều xuống nền trại và xung quanh khu vực trại nuôi.

+ Đối với chất độn trại cần sát trùng 2 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1 dùng dung dịch sát trùng (tỷ lệ 2%), để phun đều trên bề mặt sàn lót trấu.

- Lần 2 sẽ được phun cách lần 1 là 24h, dung dịch sử dụng là dung dịch sát khuẩn (tỷ lệ 0,24%). Trong quá trình phun sát khuẩn, đảo đều đệm lót, có thể ủ thành đống sau đó phơi cho thật khô. Khi nền trại thật khô mới trải lớp đệm lót có độ dày tối thiểu là 5cm.
- + Bố trí các dụng cụ úm gà vào trại, kéo rèm che kín xung quanh rồi phun thuốc sát trùng thêm 1 lần nữa và giữ nguyên ít nhất trước khi đưa gà vào nuôi 2 ngày. Trước khi nhận gà con 24 giờ, phải có khay sát trùng hay hố đựng dung dịch sát trùng đặt trước các cửa ra vào các trại gà.

b. Các giải pháp an toàn sinh học cho đàn gà

- Biện pháp cách ly:
 - + Vị trí xây chuồng trại: cách biệt khu dân cư, xa các trại chăn nuôi khác, xa công trình công cộng... đặc biệt cách xa chợ, cơ sở giết mổ động vật...; có tường rào bao quanh. Các cơ sở hành chính của trại cách biệt khu chăn nuôi;
 - + Trước khi nhập gà về, trại nuôi phải được làm vệ sinh sạch sẽ để không còn phân, lông gà của lứa trước còn sót lại. Dụng cụ chăn nuôi phải được rửa sạch sẽ và nhúng thuốc sát trùng để nơi khô ráo, phun thuốc sát trùng lần cuối và đóng cửa trại cách ly ít nhất 10 ngày.
- Quản lý di chuyển:
 - + Đối với con người: hạn chế mức thấp nhất khách viếng thăm trại; công nhân chăn nuôi bố trí ăn ở tại trại (đặc biệt giai đoạn có nguy cơ phát dịch cao): trước khi vào trại phải tắm rửa, vệ sinh, khử trùng, thay quần áo, mũ, ủng...cán bộ thú y, nhân viên kiểm tra phải tuân thủ các quy định an toàn sinh học khi ra vào trại.
 - + Đối với giống gà: giống gà nhập về phải khỏe mạnh.
 - + Cấm mang thịt, sản phẩm gia cầm tươi vào phạm vi trang trại để sử dụng.
 - + Phương tiện vận chuyển: bố trí phương tiện vận chuyển nội bộ riêng trong trại; các xe vận chuyển trước khi vào trại phải được phun xịt khử trùng bằng hóa chất (chú ý bánh xe, gầm xe).
 - + Dụng cụ chăn nuôi: mỗi khu trại chăn nuôi phải sử dụng riêng. Trường hợp luân chuyển dụng cụ phải vệ sinh khử trùng.
- Biện pháp vệ sinh:
 - + Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng đối với tất cả những người có liên quan đến quản lý, chăn nuôi trước khi ra vào trại.
 - + Thức ăn phải sử dụng từ những cơ sở cung cấp đảm bảo sạch bệnh, không sử dụng thức ăn bán trôi nổi hoặc sang nhượng thức ăn từ các cơ sở không rõ nguồn gốc.
 - + Nước uống phải sử dụng từ nguồn nước ngầm, nên khử trùng nước uống thật chặt chẽ.

- + Phải sát trùng dụng cụ, vào khu chăn nuôi phải có các khay đựng thuốc sát trùng.
- + Định kỳ hàng tuần phải vệ sinh tiêu độc toàn khu vực trại: phát quang, khơi thông cống rãnh, rắc vôi bột, phun xịt thuốc sát trùng. Thu dọn, xử lý kỹ chất thải trong trại.
- + Tiêu diệt và ngăn chặn các loại động vật gây hại trực tiếp với gia cầm như chuột, chim hoang dã....
- Biện pháp nuôi dưỡng:
 - + Thức ăn phải đảm bảo chất lượng, đủ thành phần dinh dưỡng, đảm bảo vệ sinh thú y.
 - + Bổ sung chất khoáng, vitamin, các chất điện giải để chống stress.
 - + Cung cấp đầy đủ nước uống sạch trong quá trình chăn nuôi.
 - + Sử dụng vắc xin: Sử dụng đầy đủ các loại vắc xin bệnh truyền nhiễm như, Gumboro,... theo đúng quy trình cho các loại gia cầm. Chỉ sử dụng vắc xin cúm gia cầm khi có hướng dẫn của Cục Thú y.
 - + Quan hệ xung quanh: Cần tạo mối quan hệ thật tốt với các gia đình xung quanh để có ý thức cùng bảo vệ đàn gà và bảo vệ môi trường sạch bệnh. Thường xuyên nắm bắt thông tin kịp thời để xử lý các tình huống, đặc biệt khi có dịch bệnh.

c. Quản lý dịch bệnh

- Giám sát dịch bệnh: lập kế hoạch tiêm phòng vắc xin, theo dõi tình hình dịch bệnh, lấy mẫu huyết thanh xét nghiệm,... để có biện pháp xử lý thích hợp.
- Thực hiện việc tiêm phòng vắc xin cho đàn gia cầm theo lịch đã quy định.
- Khi điều trị bệnh, cần ghi chép thông tin đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc, liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng gia cầm, người tiêm, thời điểm ngưng thuốc. Không bán gia cầm trong thời gian trị bệnh và cách ly thuốc.
- Quy trình xử lý nếu xảy ra dịch bệnh:
 - + Đối với những bệnh thông thường có thể xử lý được: cách ly ngay khu vực xảy ra dịch bệnh. Tăng cường phun thuốc sát trùng, vệ sinh chuồng trại và khu vực xung quanh.
 - + Khi xác định là dịch bệnh nguy hiểm, bệnh lây sang người: phải báo cáo ngay và làm theo hướng dẫn trực tiếp của Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương. Tuân thủ chế độ cách ly, không tự ý đưa gia cầm ra khỏi khu vực có dịch. Cán bộ, công nhân làm việc trong khu vực có dịch phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của nhà nước về vùng có dịch.
 - + Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương khi được báo → nhanh chóng chuẩn đoán xác định bệnh → nếu phát hiện dịch bệnh nguy hiểm, bệnh lây sang người → cách ly gia cầm bị bệnh → bố trí bác sĩ thú y, cán bộ kỹ thuật chăm sóc gà bệnh; sử dụng riêng dụng cụ, thức ăn; hạn chế lưu thông gà, người ra vào trại → thực hiện các biện pháp xử lý bắt buộc đối với thức ăn

chăn nuôi bị ô nhiễm, gà mắc bệnh, chất thải theo quy định đối với từng bệnh; vệ sinh, khử trùng tiêu độc trại, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ thú y, phương tiện vận chuyển... → Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương báo cáo UBND cùng cấp để thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch đối với khu vực, đồng thời báo cáo Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi cấp huyện.

- + Khi phát hiện gia cầm chết phải báo với cán bộ kỹ thuật có biện pháp xử lý kịp thời..

d. Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ và chống sét

- *Biện pháp giảm thiểu cháy nổ:*

+ Cháy nổ là sự cố phổ biến và rất dễ xảy ra. Nếu để xảy ra sự cố cháy nổ thì thiệt hại sẽ không thể lường hết. Nhằm đề phòng vấn đề này, chủ cơ sở đã có kế hoạch bố trí nhân lực và đầu tư trang thiết bị cho công tác phòng cháy chữa cháy như bố trí các họng nước, các thiết bị chữa cháy cầm tay, xe bồn cứu hỏa...

+ Tiến hành các biện pháp vệ sinh công nghiệp chặt chẽ trong các chuồng nuôi

+ Công nhân trực tiếp làm việc tại trang trại sẽ được tập huấn, hướng dẫn phương pháp phòng chống cháy nổ.

+ Hạn chế lưu trữ các loại nhiên liệu dễ bốc cháy. Trường hợp phải lưu trữ các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

+ Cơ sở có các trang thiết bị chống cháy nổ, nhằm chữa kịp thời khi sự cố xảy ra. Trong các khu sản xuất, kho nguyên liệu và thành phẩm sẽ được lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

+ Nâng cao ý thức của công nhân tại trang trại, bố trí khu vực hút thuốc riêng biệt cho công nhân trong giờ giải lao.

+ Ban hành các nội quy và treo bảng an toàn nổ, cấm lửa, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại công trường và nơi lưu trữ nhiên liệu.

- *Biện pháp chống sét:*

+ Bố trí một hệ thống nối đất an toàn cho các thiết bị. Tất cả các vỏ máy tủ điện và các phần kim loại của hệ thống điện đều phải nối đất. Hệ thống nối đất an toàn cho các thiết bị được thiết kế đi độc lập với hệ thống nối đất chống sét. Điện trở nối đất của hệ thống an toàn cho các thiết bị đảm bảo nhỏ hơn 4Ω .

+ Hệ thống chống sét cho công trình sử dụng hệ thống chống sét phát xạ tia tiên đạo Ingenco PDC 6.3 có bán kính bảo vệ $R = 102\text{ m}$.

+ Điện trở tiếp địa được kiểm tra hàng năm bởi cơ quan có đủ chức năng.

e. Biện pháp an toàn lao động

+ Quy định các nội quy làm việc tại trang trại, bao gồm nội quy ra, vào làm việc; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ...

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau.

+ Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

+ Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

+ Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

f. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

Trang trại có sử dụng nhiều loại hóa chất và thuốc trong hoạt động chăn nuôi, để kiểm soát sự cố rò rỉ và an toàn tiếp xúc với hóa chất dùng cho quá trình chăn nuôi, các biện pháp tổng quát sau đây sẽ được thực hiện:

❖ Phương án thiết kế kho hóa chất và công tác lưu trữ hóa chất tại kho:

♣ Phương án thiết kế khu lưu giữ hóa chất

Khu lưu giữ hóa chất tại cơ sở được thiết kế đáp ứng các yêu cầu theo quy chuẩn TCVN 5507:2002 do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa theo đặc tính hóa chất sử dụng và quy mô lưu trữ hóa chất của trang trại. Cụ thể:

- Trang trại thiết kế lối đi riêng để phục vụ cho công tác nhập hóa chất và vận chuyển hóa chất đến nơi cần sử dụng. Lối thoát hiểm tại nhà kho được chỉ dẫn rõ ràng bằng các bảng hiệu và đèn báo theo đúng quy định về cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.
- Hệ thống thông gió của kho hóa chất được thiết kế đáp ứng Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3288:1979.
- Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu nhập và xuất hóa chất tại kho. Hệ thống chiếu sáng trong khu chăn nuôi và kho chứa hóa chất được thiết kế đáp ứng các quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622 : 1995.
- Sàn kho chứa hóa chất được thiết kế đặc biệt, có khả năng chịu tải và chống thấm. Ngoài ra sàn kho chứa hóa chất còn được thiết các đường rãnh thu gom hóa chất dạng lỏng.
- Toàn bộ trang trại được thiết kế và trang bị hệ thống chống sét, do đó kho chứa hóa chất luôn nằm trong khu vực được bảo vệ bởi hệ thống thu lôi và chống sét. Hệ thống chống sét được thiết kế đáp ứng Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9385:2012 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.
- Ngoài ra, kho chứa thuốc được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về an toàn lao động tại kho chứa hóa chất.

♣ *Phương án lưu trữ và sắp xếp hóa chất tại kho*

- Khu vực lưu trữ được trang bị biển báo “cấm lửa”, “cấm hút thuốc”.
- Xây dựng các dữ liệu an toàn về hóa chất, cụ thể:
 - + Tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có).
 - + Thành phần hóa chất.
 - + Tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất.
 - + Cách sử dụng và lưu giữ hóa chất.
 - + Những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy...
 - + Thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính...
- Kho lưu trữ hóa chất luôn được duy trì nhiệt độ thoáng mát, độ ẩm vừa phải và thông thoáng gió.
- Đối với hóa chất đóng bao phải xếp trên bục hoặc trên giá đỡ, cách tường ít nhất 0,5 m, hóa chất ký âm phải xếp trên bục cao tối thiểu 0,3m.
- Hóa chất dạng lỏng chứa trong phuy, can,... và hóa chất dạng khí chứa trong các bình chịu áp lực phải được xếp đúng theo tính chất vật lý và hóa học của từng loại.
- Các dây hóa chất không được xếp sát trần kho và không cao quá 2 m.
- Lối đi chính trong kho hóa chất rộng tối thiểu 1,5 m.
- Không được xếp các hóa chất nặng quá tải trọng của nền kho.
- Không được để các bao bì đã dùng, các vật liệu dễ cháy ở trong kho.
- Sàn kho chứa luôn được giữ khô ráo, mỗi vị trí lưu trữ hóa chất được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót... hóa chất.

♣ *Kế hoạch thực hiện*

- Ngăn cấm công nhân mang vật dụng phát sinh nhiệt ra vào khu vực lưu trữ hóa chất.
- Không được hút thuốc hay ăn uống khi sử dụng hóa chất.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang, mắt kính...) cho công nhân viên khi chiết rót hóa chất.
- Cung cấp cho công nhân bản hướng dẫn sử dụng hay bảng dữ liệu an toàn hóa chất của nhà cung cấp và mức độ độc hại của hóa chất khi sử dụng (các ký hiệu nguy hiểm thường được biểu diễn bằng màu cam và đen và được giải thích mỗi nguy hiểm của loại hóa chất đó).
- Đảm bảo hóa chất giao nhận được lưu giữ vào kho đúng vị trí, đảm bảo an toàn và có thể dễ dàng nhìn thấy nhãn.
- Không sử dụng hóa chất đã quá hạn sử dụng.

- Có tủ thuốc để sơ cứu khi xảy ra sự cố, tủ thuốc phải có băng tiệt trùng, băng tam giác, gạc đệm vô trùng cho mắt, kim tiêu, băng vết thương tiệt trùng, thuốc rửa vết thương,...
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất;
- Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo đúng quy định của pháp luật;
- Đối với các loại hóa chất công nghiệp như chất kiềm, chất tẩy dầu,...: Chủ cơ sở xây dựng khu vực lưu giữ riêng biệt. Đồng thời, lập sổ theo dõi tình hình xuất nhập các loại hóa chất và báo cáo tình hình sử dụng hóa chất về Sở Công Thương định kỳ trước ngày 15/01 hàng năm để quản lý nghiêm ngặt các loại hóa chất này.
- Tuân thủ và chấp hành theo Luật Hóa chất Việt Nam 2007 và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất đồng thời lập Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trình cơ quan có chức năng xem xét.

♣ *Công tác vận chuyển hóa chất*

- Công tác vận chuyển hóa chất được tuân thủ theo quy định tại Thông tư 37/2020/TT-BCT - Quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. Cụ thể:
 - + Chỉ thực hiện việc vận chuyển hóa chất sau khi hóa chất đã được đóng gói, dán nhãn theo quy định tại Thông tư số 08/2012/TT – BYT.
 - + Vận chuyển hóa chất theo đúng lịch trình và thỏa thuận thời gian, ngày tháng được ghi trong hợp đồng hoặc hóa đơn có liên quan về vận chuyển giữa đơn vị cung cấp, đơn vị vận chuyển và chủ sở hữu hàng hóa.
 - + Đơn vị vận chuyển hóa chất là cơ sở vận chuyển được cấp giấy phép vận chuyển hóa chất đối với trường hợp vận chuyển hóa chất từ một nghìn ki-lô-gam (1.000kg)/xe/lần vận chuyển trở lên.
 - + Đối với các cơ sở vận chuyển khi thực hiện việc vận chuyển hóa chất dưới 1.000kg/xe/lần không cần phải có giấy phép vận chuyển hóa chất nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định tại Mục II Thông tư số 08/2012/TT - BYT.
 - + Tuyệt đối không sử dụng xe rơ móc để vận chuyển hóa chất.
 - + Công tác vận chuyển hóa chất được lên kế hoạch rõ ràng, không vận chuyển các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau trên cùng một phương tiện.
 - + Không được vận chuyển hóa chất cùng với hành khách, vật nuôi, lương thực, thực phẩm, các chất dễ gây cháy, nổ và các hàng hóa.
 - + Bao bì, thùng chứa hóa chất phải được làm bằng các vật liệu bảo đảm phù hợp với từng loại hóa chất theo quy định tại Điều 25 của Thông tư số 29/2011/TT – BYT ngày 30/6/2011.
 - + Trên mỗi bao bì, thùng chứa hóa chất phải được dán hình tượng biểu thị tính chất vật lý của hóa chất theo Mẫu số 1 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số

08/2012/TT – BYT. Kích thước của hình tượng biểu thị tính chất vật lý của hóa chất là 100mm x 100mm đối với mỗi thùng đựng hóa chất và dán trên container là 250mm x 250mm.

♣ *Công tác xuất hóa chất sử dụng tại trang trại*

- Chỉ sử dụng người có trình độ chuyên môn về hóa chất để quản lý kho hóa chất tại cơ sở. Hóa chất được quản lý bằng sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho theo thời gian hàng ngày, hàng tháng và hàng năm. Lập tức báo ngay cho người phụ trách khi thấy thiếu, thừa khối lượng hóa chất tại kho.
- Chỉ xuất hóa chất khỏi kho khi có giấy tờ, chỉ thị của bộ phận vận hành sản xuất ghi rõ tên hóa chất, khối lượng sử dụng, mục đích sử dụng hóa chất và công đoạn sử dụng hóa chất cụ thể.
- Quy trình san chiết hóa chất được thực hiện nghiêm ngặt, tuân theo hướng dẫn an toàn hóa chất cử từng loại hóa chất. Người thực hiện san chiết hóa chất là người nắm rõ các đặc tính hóa, lý của loại hóa chất cần san chiết, đồng thời người này cũng được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết như găng tay, khẩu trang hoạt tính, kính chống bụi,...
- Công đoạn pha, trộn hóa chất tại vị trí sử dụng hóa chất phải tuân thủ các hướng dẫn về an toàn sử dụng hóa chất và phải nắm rõ các đặc tính hóa học và vật lý của loại hóa chất đang sử dụng.

❖ Các biện pháp ngăn ngừa cháy tràn đổ và rò rỉ hóa chất và an toàn lao động cho công nhân:

- Trang trại bố trí khu vực chứa hóa chất tại vị trí thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời, có mái che chắn.
- Các bồn chứa hóa chất luôn phải đóng chặt nắp;
- Bồn chứa hóa chất thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nhằm sửa chữa, thay thế và khắc phục kịp thời việc rò rỉ nhiên liệu.
- Khu vực chứa hóa chất không được đặt bất cứ vật gì phía trên.
- Trong trường hợp bị rò rỉ trên mặt bằng nhà kho:
 - + Dùng giẻ lau, bông thấm lau sạch và thu gom giẻ lau vào thùng chứa và đậy kín.
 - + Không cho chất lỏng thoát vào cống, ống thoát nước hoặc các vùng ẩm thấp.
 - + Dùng đất cát để xử lý chất lỏng bị đổ, tuyệt đối không sử dụng nguyên liệu dễ cháy như mùn cưa.
 - + Tham khảo ý kiến của các chuyên gia về việc sử dụng các nguyên liệu nào để khắc phục những hậu quả xảy ra và đảm bảo phải tuân thủ theo những nguyên tắc của địa phương.
 - + Hạn chế công nhân làm việc tại khu vực phát sinh hơi hóa chất, trang bị đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như: Nón bảo hộ, quần áo, giày, khẩu trang, bao tay, kính, mặt nạ che mặt...
- Khi gặp trường hợp bị dính, hay nuốt phải dung môi thực hiện các biện pháp sơ cứu sau:

- + Nếu nuốt phải: Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sỹ hoặc chở bệnh nhân đến bệnh viện.
- + Nếu bị dính trên da hoặc tóc: Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Ngâm bộ phận bị dính bằng nước hoặc vòi hoa sen ít nhất 15 phút và sau đó rửa lại bằng xà bông và nước nếu có thể. Nếu da trở nên đỏ, sưng, đau và hoặc phỏng rộp, chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm
- + Nếu hít phải: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. Liên hệ với trung tâm giải độc hoặc bác sỹ nếu thấy mệt mỏi. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo.
- + Nếu bị dính vào mắt: thận trọng rửa bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- + Nếu có hoả hoạn: Dùng loại bột chống cùn, nước phun có áp hoặc ở dạng phun sương để dập lửa.

g. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố các công trình bảo vệ môi trường

Để phòng ngừa, ứng phó các sự cố của các công trình bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức sau này. Chủ cơ sở đã có các biện pháp phòng ngừa như sau:

➤ *Đối với sự cố hệ thống xử lý bụi, mùi hôi*

- + Chủ cơ sở bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra việc vận hành của hệ thống quạt hút sau các chuồng nuôi.
- + Nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý.
- + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
- + Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp: phải lập tức báo cáo cấp trên khi có sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.
- + Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.
- + Định kỳ quan trắc môi trường để đánh giá hiệu quả của công trình bảo vệ môi trường

➤ *Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải:*

Đối với bể tự hoại:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

 Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

- Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

 Đối với công trình xử lý nước thải chăn nuôi:

- + Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- + Lắp đặt thiết bị dự phòng để vận hành khi có hư hỏng thiết bị
- + Công nhân viên hành được tập huấn, đảm bảo khả năng vận hành trước khi giao vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- + Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.
- + Chủ cơ sở sẽ thường xuyên kiểm tra, theo dõi để kịp thời phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải tại trang trại.

➤ *Đối với sự cố kho chất thải rắn:*

- + Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi phải đảm bảo có mái che, tường bao quanh, cửa ra vào và các quy định khác theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu.
- + Kí hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.
- + Gà chết trong quá trình chăn nuôi phải được thu gom, xử lý tại hầm hủy xác
- + Kho chứa chất thải nguy hại đảm bảo có mái che, gờ chống tràn, tường bao quanh, có dẫn biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
- + CTNH được dán bảng hiệu có hình minh họa để việc tập kết chất thải được dễ dàng. Khu vực chứa CTNH được xây bờ bao, bên trên có đặt các bể chứa để thu gom chất thải khi bị rò rỉ, bên dưới có chứa cát và được xây bao lại. Khi có sự cố tràn đổ CTNH, cát sẽ được thu gom và bàn giao cho đơn vị thu gom CTNH.
- + Đối với việc vận chuyển CTNH: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có);

Không có

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có):

Cơ sở không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Cơ sở không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 255.000 con/lứa đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 và Công văn thay đổi tên chủ dự án trong báo cáo ĐTM dự án trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín số 6346/STNMT-PBVMT ngày 23/09/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

Trong quá trình xây dựng, trang trại có một số nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 3.4: Các nội dung thay đổi so với ĐTM

STT	NỘI DUNG	ĐTM PHÊ DUYỆT	CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI
1	Trại nuôi gà	25.200 m ²	22.873,5 m ²
2	Nhà chứa phân	80 m ²	68,04 m ²
3	Khu vực tiêu hủy xác gà	48 m ²	54 m ²
4	Nhà chứa rác thông thường	45 m ²	23,76 m ²
5	Nhà chứa CTNH	45 m ²	23,76 m ²
6	Đất chôn lấp dự phòng	2.250 m ²	2.400 m ²
7	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt	Quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại → Ao sinh học	Quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại → Mương sinh học số 01
8	Công trình xử lý nước thải chăn nuôi	7 hầm lắng lọc	8 hầm lắng lọc
		Hầm xây dựng bằng đất, chống thấm bằng bạt HDPE	Hầm xây dựng bằng bê tông cốt thép
		Quy trình xử lý: Nước thải → Hầm lắng → Hầm lọc → Hầm chứa → Ao sinh học	Quy trình xử lý: Nước thải → Hầm lắng → Hầm lọc → Hầm chứa → 3 mương sinh học → Hồ chứa nước thải.
9	Công trình xử lý mùi hôi	Phía sau mỗi dãy trại sẽ lắp đặt 4 quạt hút mùi	Phía sau mỗi dãy trại sẽ lắp đặt 9 quạt hút mùi

- Đánh giá tác động đến môi trường từ việc thay đổi nội dung so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Đối với các công trình xây dựng: trong quá trình xây dựng do yêu cầu kỹ thuật và bố trí các hạng mục công trình xây dựng cho phù hợp với hiện trạng thực tế tại trang trại nên Chủ cơ sở có điều chỉnh diện tích một số hạng mục công trình như: trại nuôi gà, nhà chứa phân, nhà chứa rác, đất dự phòng chôn lấp,... Tuy nhiên việc điều chỉnh diện tích các hạng mục công trình xây dựng này không lớn so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu cấp giấy phép xây dựng về việc thay đổi nêu trên theo Giấy phép xây dựng số 88/GPXD ngày 11/06/2021 và Phụ lục kèm theo.

+ *Đối với công trình xử lý nước thải, khí thải:*

Đối với công trình xử lý nước thải: chủ cơ sở đã bổ sung thêm 1 hầm lắng lọc 3 ngăn và 3 mương sinh học (*các hầm lắng lọc và mương sinh học đều được xây dựng bằng bê tông cốt thép để chống thấm và đảm bảo quá trình xử lý nước thải ổn định, đạt quy chuẩn quy định*). Nước thải sau xử lý được lưu chứa trong hồ chứa nước thải (hồ được lót bạt HDPE chống thấm), nước thải không thải ra môi trường nên không ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận nước thải.

Đối với công trình xử lý khí thải: chủ cơ sở bổ sung thêm 5 quạt hút mùi sau mỗi chuồng nuôi để đảm bảo thông thoáng chuồng trại, đảm bảo hiệu quả chăn nuôi. Khí thải sau quạt hút được xử lý bằng chế phẩm khử mùi nên đảm bảo đạt tiêu chuẩn khi thải ra bên ngoài.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

➤ Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 3 m³/ngày
- Nguồn số 02: Nước thải nấu ăn tập trung, lưu lượng 0,625 m³/ngày
- Nguồn số 03: Nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi, lưu lượng 2,0 m³/ngày.đêm/trại
- Nguồn số 04: Nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, lưu lượng 1,0 m³/ngày.đêm
- Nguồn số 05: Nước thải sau hệ thống xử lý khí thải phía sau mỗi chuồng nuôi gà, lưu lượng 1,5 m³/ngày.đêm

➤ Lưu lượng xả nước thải tối đa

Tổng lưu lượng nước thải tối đa xin cấp phép là: **8,125 m³/ngày.đêm**

➤ Dòng nước thải

Dòng nước thải số 01: Nguồn số 01 được thu gom về bể tự hoại; nguồn số 02 được thu gom về bể tách dầu mỡ. Nước thải sau bể tự hoại, sau bể tách dầu mỡ thu gom về mương sinh học số 01 để xử lý đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT.

Dòng nước thải số 02: Nguồn số 03, 04, 05 được thu gom về hầm lắng, rồi dẫn về mương sinh học số 02, mương sinh học số 03 và mương sinh học số 04 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT, sau đó xả tự chảy vào hồ chứa nước thải trong khuôn viên trang trại.

➤ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A với hệ số K_q= 0,6 và K_f= 1,3 cụ thể như sau

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải chăn nuôi

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 7	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	39		
3	COD	mg/L	78		
4	BOD ₅ (20 °C)	mg/L	31,2		

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Tổng Nitơ	mg/L	39		định số 08/2022/NĐ-CP)
6	Tổng Coliform	mg/L	2.340		

➤ **Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải**

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ chứa nước thải trong khuôn viên trang trại
- Vị trí xả thải:
 - + Tại hồ chứa nước thải
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1277 543 ; Y= 590 051 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiếu 3⁰)
- Phương thức xả thải:
 - + Nước thải sau khi xử lý tại mương sinh học tự chảy về hồ chứa nước thải
 - + Chế độ xả thải: tự chảy, xả liên tục 24 giờ/ngày

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

➤ **Nguồn phát sinh khí thải chính đề nghị cấp phép**

- Nguồn số 01 – chuồng số 1: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 1 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 02 – chuồng số 2: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 2 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 03 – chuồng số 3: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 3 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 04 – chuồng số 4: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 4 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 05 – chuồng số 5: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 5 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
- Nguồn số 06 – chuồng số 6: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 6 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)

- Nguồn số 07 – chuồng số 7: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 7 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 08 – chuồng số 8: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 8 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 09 – chuồng số 9: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 9 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 10 – chuồng số 10: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 10 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 11 – chuồng số 11: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 11 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 12 – chuồng số 12: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 12 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 13 – chuồng số 13: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 13 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 14 – chuồng số 14: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 14 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 15 – chuồng số 15: Khí thải từ 9 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 15 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút)
 - Nguồn số 16: bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 01 có công suất 400KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 2.190 m³/giờ.
 - Nguồn số 17: bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 02 có công suất 400 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 2.190 m³/giờ.
- **Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải**

- Nguồn khí thải từ 01 đến số 15: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.800 m³/giờ/quạt hút
- Nguồn khí thải số 16 và số 17: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.190 m³/giờ

➤ **Dòng khí thải**

- Dòng khí thải số 01 đến số 15: Dòng khí thải phát sinh sau các quạt hút cuối mỗi dây chuồng nuôi
- Dòng khí thải số 16 và số 17: Dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng sẽ thoát trực tiếp ra môi trường thông qua ống khói bằng Inox SUS 304 dày 3mm, đường kính ống Ø200mm, cao 4m.

➤ **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải**

- Nguồn khí thải số 01 đến số 15 đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh - QCVN 05:2023/BTNMT.

Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	(µg/m ³)	42	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 ND số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	(µg/m ³)	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	200		

- Nguồn khí thải số 16 và số 17 đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kv = 1,0; Kp = 1,0

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với bụi và khí thải tại các nguồn thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 100.000$	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 ND số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	NO _x	mg/Nm ³	850		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

➤ **Vị trí, phương thức xả khí thải vào nguồn tiếp nhận khí thải**

- Vị trí xả thải:

- + Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 433; Y= 590 286
- + Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 02; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 411; Y= 590 276
- + Nguồn khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 03; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 389; Y= 590 266
- + Nguồn khí thải số 04: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 04; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 369; Y= 590 255
- + Nguồn khí thải số 05: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 05; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 329; Y= 590 238
- + Nguồn khí thải số 06: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 06; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 309; Y= 590 228
- + Nguồn khí thải số 07: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 07; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 285; Y= 590 218
- + Nguồn khí thải số 08: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 08; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 263; Y= 590 209
- + Nguồn khí thải số 09: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 09; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 243; Y= 590 200
- + Nguồn khí thải số 10: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 10; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 221; Y= 590 190
- + Nguồn khí thải số 11: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 11; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 447; Y= 590 043
- + Nguồn khí thải số 12: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 12; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 471; Y= 590 054
- + Nguồn khí thải số 13: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 13; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 490; Y= 590 066
- + Nguồn khí thải số 14: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 14; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 513; Y= 590 075
- + Nguồn khí thải số 15: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 15; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 529; Y= 590 084
- + Nguồn khí thải số 16: tương ứng với ống phát thải từ máy phát điện dự phòng số 01 thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 510; Y= 590 201

- + Nguồn khí thải số 17: tương ứng với ống phát thải từ máy phát điện dự phòng số 02 thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1277 513; Y= 590 195
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3^0)
- Phương thức xả thải:
 - + Nguồn khí thải từ số 01 đến số 15: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 9 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.
 - + Nguồn khí thải số 16 và số 17: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.
- Công trình xử lý khí thải trong và ngoài phạm vi dự án: không có.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

➤ Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 01
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 02
- Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 03
- Nguồn số 04: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 04
- Nguồn số 05: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 05
- Nguồn số 06: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 06
- Nguồn số 07: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 07
- Nguồn số 08: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 08
- Nguồn số 09: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 09
- Nguồn số 10: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 10
- Nguồn số 11: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 11
- Nguồn số 12: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 12
- Nguồn số 13: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 13
- Nguồn số 14: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 14
- Nguồn số 15: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi số 15
- Nguồn số 16: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng số 01
- Nguồn số 17: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng số 02

➤ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X= 1277 433; Y= 590 286
- Nguồn số 02: X= 1277 411; Y= 590 276

- Nguồn số 03: X= 1277 389; Y= 590 266
- Nguồn số 04: X= 1277 369; Y= 590 255
- Nguồn số 05: X= 1277 329; Y= 590 238
- Nguồn số 06: X= 1277 309; Y= 590 228
- Nguồn số 07: X= 1277 285; Y= 590 218
- Nguồn số 08: X= 1277 263; Y= 590 209
- Nguồn số 09: X= 1277 243; Y= 590 200
- Nguồn số 10: X= 1277 221; Y= 590 190
- Nguồn số 11: X= 1277 447; Y= 590 043
- Nguồn số 12: X= 1277 471; Y= 590 054
- Nguồn số 13: X= 1277 490; Y= 590 066
- Nguồn số 14: X= 1277 513; Y= 590 075
- Nguồn số 15: X= 1277 529; Y= 590 084
- Nguồn số 16: X= 1277 510; Y= 590 201
- Nguồn số 17: X= 1277 513; Y= 590 195

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)

➤ **Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**

Các nguồn thải trên nếu được khống chế tốt và xử lý cục bộ bằng các biện pháp quản lý kỹ thuật hợp lý thì tiếng ồn và độ rung sẽ đạt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn & QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Bảng 4.4. Giá trị giới hạn đối với độ ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, và chất thải nguy hại

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

4.1.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 4.6. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/tháng)	Trạng thái tồn tại
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	375	Rắn

4.1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 4.7. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại
1	Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng	14 01 12	1.103,2 tấn/lứa	Rắn
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (gà chết không do dịch bệnh)	13 02 04	378 kg/lứa	Rắn
3	Bao bì đựng thức ăn	18 01 06	570 kg/lứa	Rắn

4.1.3. Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Bảng 4.8. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	10	16 01 06	Rắn
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra CTNH) thải (chai lọ, vaccin sau khi tiêm)	400	18 01 03	Rắn
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	40	13 02 01	Rắn
4	Gia cầm chết (do dịch bệnh)	Không xác định	14 02 01	Rắn

5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	45	18 02 01	Rắn
6	Pin, ắc quy chì thải	15	08 02 04	Rắn
Tổng số lượng		510		

4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa loại 60 lít tại các khu vực cố định trong khu vực trang trại để thu gom rác. Sau đó được công nhân vận chuyển về điểm tập kết chất thải của trang trại.

- Thùng màu xanh: Chứa chất thải hữu cơ
- Thùng màu vàng: Chứa các thành phần vô cơ

b) Khu vực lưu chứa trong nhà

Các thành phần chất thải có thể tái sử dụng như giấy vụn, kim loại, chai nhựa... sẽ được thu gom và bán phế liệu.

Các thành phần chất thải còn lại sẽ được thu gom và ký hợp đồng vận chuyển và xử lý với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

Khu vực chứa có diện tích 23,67 m², nền được trát xi măng, có mái che mưa, nắng, có vách ngăn tách biệt với khu vực khác, có cửa ra vào, được bố trí 2 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy loại 240 lít.

c) Tần suất thu gom: 3 ngày/lần

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (không nguy hại)

a) Thiết bị lưu chứa:

Phân gà và trấu sau mỗi đợt nuôi sẽ được thu gom, đóng bao loại 50kg và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón

Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom tận dụng để chứa phân gà lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu. Các loại phế liệu được lưu trong khu vực chứa và bán cho đơn vị có nhu cầu.

Đối với gà chết sẽ được công nhân tại Trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hầm hủy xác có nắp đậy kín.

b) Khu vực lưu chứa trong nhà

Trường hợp phân gà chưa xuất bán kịp, chủ cơ sở đưa về nhà chứa phân với diện tích 68,04m² có mái che, lưu chứa tối đa trong vòng 3 ngày và phun chế phẩm EM hạn chế mùi hằng ngày, sau đó xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu.

Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, rác tái chế được đưa về nhà chứa chất thải rắn thông thường diện tích 23,67 m² và định kỳ bán cho đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương. Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

Gà chết không do dịch bệnh, chủ cơ sở xây dựng 2 hố chôn xác gà, mỗi hố có chiều rộng 3m, chiều dài 9m, chiều sâu 1,5 m (*khi một hố chôn xác gà đầy sẽ chuyển sang hố còn lại để đảm bảo xác gà chết không ảnh hưởng đến môi trường*).

c) *Tần suất thu gom*: định kỳ sau mỗi lứa nuôi

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) *Thiết bị lưu chứa*

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, kín đáo đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

Khu vực lưu giữ CTNH được xây dựng tường gạch, nền xi măng có mái che, có cửa khóa, có phân ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm khác, tránh khả năng gây phản ứng hóa học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH. Trước cửa có biển cảnh báo “Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại”.

Trong từng ô hoặc bộ phận riêng có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707 – 2009 về Chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, vật liệu và mực của dấu hiệu và các dòng chữ không bị mờ hoặc phai màu.

b) *Khu vực lưu chứa trong nhà*

Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại rộng khoảng 23,67m², có vách ngăn tách biệt với các loại chất thải khác.

Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền bê tông, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

c) *Tần suất thu gom*: 6 tháng/lần

d) *Biện pháp xử lý*: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2024

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1/2024: 15/07/2024 (NT1)

+ Đợt 2/2024: 05/12/2024 (NT2)

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu nước thải sinh hoạt tại nương sinh học và 01 mẫu nước thải chăn nuôi tại hồ chứa nước thải

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		KẾT QUẢ		QCVN 14:2008/BTNMT CỘT A
			NT1	NT2	
1.	pH ^{(a)(c)}	--	6,14	6,19	5 - 9
2.	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	297	283	500
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	26	24	30
4.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	38,8	37,5	50
5.	N-NH ₄ ⁺ ^{(a)(b)}	mg/L	4,60	4,55	5
6.	N-NO ₃ ⁻ ^{(a)(b)}	mg/L	15,9	15,7	30
7.	P-PO ₄ ³⁻ ^{(a)(b)}	mg/L	4,08	4,16	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	8,5	8,52	10

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải chăn nuôi

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		KẾT QUẢ		QCVN 62-MT:2016/ BTNMT, CỘT A
			NT1	NT2	
1.	pH ^{(a)(c)}	--	6,73	6,65	6 - 9
2.	Tổng N ^{(a)(b)}	mg/L	18,2	17,4	50
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	8	11	40
4.	COD ^{(a)(b)}	mg/L	17	20	100
5.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	30,5	31,9	50

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải năm 2024

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1/2024: 15/07/2024 (KK1)

+ Đợt 2/2024: 05/12/2024 (KK2)

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu không khí sau quạt hút chuồng nuôi số 01, 01 mẫu gần khu vực chôn lấp xác gà chết

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc chất lượng không khí

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		KẾT QUẢ		GIỚI HẠN	TIÊU CHUẨN SO SÁNH
			KK1	KK2		
I	01 mẫu không khí sau quạt hút chuồng nuôi số 01					
1	NH ₃ ^(a)	mg/Nm ³	0,12	0,09	0,2	QCVN 06:2009/BTNMT
2	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³	0,031	0,027	0,042	
II	01 mẫu gần khu vực chôn lấp xác gà chết					
1	NH ₃ ^(a)	mg/Nm ³	-	0,15	0,2	QCVN 06:2009/BTNMT
2	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³	-	0,031	0,042	

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Không có

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

- Đối với công trình buồng xử lý khí thải sau dây chuồng nuôi: Căn cứ theo Điểm c, Khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, quy định: *Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm: “c) Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO; hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng”.*
- Đối với công trình xử lý nước thải: Căn cứ theo Điểm d, Khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, quy định: *Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm: “d) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định)”.*

Như vậy, công trình xử lý khí thải và nước thải của cơ sở không bắt buộc phải vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở sẽ thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Bảng 6.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất	Tiêu chuẩn so sánh
1	<i>Giám sát chất lượng nước thải chăn nuôi</i>			
	Tại hồ chứa nước thải	pH, TSS, COD, BOD ₅ , tổng Nito, tổng Coliform	06 tháng/lần	QCVN 62- MT:2016/BTNMT, cột A với hệ số K _q = 0,6 và K _f = 1,3
2	<i>Giám sát chất lượng khí thải</i>			
	02 điểm phía sau các chuồng nuôi	Bụi, H ₂ S, NH ₃	06 tháng/lần	QCVN 06:2009/BTNMT QCVN 05:2023/BTNMT

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất	Tiêu chuẩn so sánh
3	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại			
	Kiểm kê kho chứa chất thải tập trung của cơ sở: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận từng loại chất thải.	Thường xuyên, liên tục	Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022
Trong quá trình thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, Chủ cơ sở sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề quan trắc.				

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

“Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” không thuộc nhóm các dự án phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

Không có hoạt động quan trắc nào khác.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của cơ sở

TT	Chương trình giám sát	Vị trí	Số lần/năm	Chi phí	Thành tiền
1.	Giám sát môi trường nước thải chăn nuôi	01	02	1.000.000	2.000.000
2.	Giám sát khí thải	02	02	500.000	2.000.000
3.	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, và chất thải nguy hại	01	Thường xuyên	10.000.000	10.000.000
4.	Khảo sát hiện trường	-	06	1.000.000	6.000.000
5.	Vận chuyển bảo quản mẫu	-	06	1.000.000	6.000.000
6.	Tổng hợp viết báo cáo	-	01	4.000.000	4.000.000
	TỔNG CỘNG				30.000.000

(Nguồn: Tính toán của đơn vị tư vấn, tháng 12/2024)

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, cơ sở chưa kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trên cơ sở phân tích ở trên, chúng tôi rất mong các cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy phép môi trường của cơ sở, để cơ sở sớm được đi vào hoạt động chính thức và đảm bảo tiến độ đầu tư, góp phần mang lại những lợi ích thiết thực về KT-XH cho địa phương xã Suối Ngô, huyện Tân Châu nói riêng và của tỉnh Tây Ninh nói chung.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Thái Anh Tây Ninh cam kết bảo đảm nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường đều nằm trong giới hạn Tiêu chuẩn, Quy chuẩn cho phép hiện hành như sau:

- Môi trường không khí xung quanh: Các chất ô nhiễm trong khí thải của cơ sở khi phát tán ra môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Độ ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của cơ sở đạt Quy chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26: 2010/BTNMT).

- Quản lý nội vi trang trại theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- QCVN 01-15:2010/BNNPTNT, ngày 15/1/2010 – Quy chuẩn quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

- QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT ngày 6/5/2011 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,6$ và $K_f = 1,3$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- QCVN 14:2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình vận hành và kết thúc Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

Cam kết đầu tư các công trình xử lý chất thải theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và được các sở, ngành kiểm tra,

xác nhận, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trước khi đưa gà về nuôi.

Cam kết thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh; cam kết tạo điều kiện phối hợp tốt với cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột suất hàng năm.

Chủ cơ sở cam kết ngừng ngay mọi hoạt động chăn nuôi khi không đảm bảo về công tác xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, thú y, nhân dân phản ánh. Chủ cơ sở chỉ chăn nuôi trở lại khi thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

Cam kết thực hiện các yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Cam kết khai thác nước ngầm theo đúng quy định (tiến hành làm các thủ tục xin phép khai thác, sử dụng nước ngầm trước khi thực hiện khai thác, sử dụng nước ngầm).

Chủ cơ sở cam kết tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

Chủ cơ sở xin cam kết các điều khoản đã ghi trên đây và chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO